

Bản tin

THỊ TRƯỜNG NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

BỘ CÔNG THƯƠNG



SỐ TỔNG KẾT QUÝ II - RA NGÀY 31/7/2023

BẢN TIN

THỊ TRƯỜNG

NÔNG, LÂM, THỦY SẢN

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:

Cục Xuất nhập khẩu,
Bộ Công Thương
Tel: 024.22205440;
Email:
binhthth@moit.gov.vn;
huyenngt@moit.gov.vn;

- Trung tâm Thông tin
Công nghiệp và Thương mại,
Bộ Công Thương
Tel: 024.22192875;
Email:
tuoanhbta@gmail.com;
Mọi ý kiến đóng góp xin liên hệ
số điện thoại và email trên

Giấy phép xuất bản số:
55/GP-XBBT ngày 26/8/2022

TÌNH HÌNH CHUNG	2
THỊ TRƯỜNG CAO SU	3
THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ	8
THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU	12
THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ	16
THỊ TRƯỜNG THỊT	20
THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN	26
THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ	31
THÔNG TIN CHÍNH SÁCH/CHUYÊN ĐỀ	35

TÌNH HÌNH CHUNG

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- ▶ **Cao su:** Giá cao su tại Nhật Bản và Thái Lan tiếp tục giảm trong tháng 7/2023, trong khi giá tại Thượng Hải tăng nhẹ. Các tháng đầu năm 2023, trị giá nhập khẩu cao su của các thị trường lớn trên thế giới giảm do giá giảm mạnh.
- ▶ **Cà phê:** Cuối tháng 7/2023, giá cà phê thế giới có xu hướng phục hồi sau khi giảm vào đầu tháng, do lo ngại nguồn cung thiếu hụt.
- ▶ **Hạt điều:** Các tháng đầu năm 2023, hầu hết các thị trường lớn trên thế giới giảm nhập khẩu hạt điều do nhu cầu tiêu thụ giảm.
- ▶ **Rau quả:** Trong 5 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu dưa của Ê-cu-a-đo tăng 323% so với cùng kỳ năm 2022.
- ▶ **Thịt:** Giá thịt lợn tại Hoa Kỳ tăng do nguồn cung hạn chế, giá lợn hơi tại

Trung Quốc có xu hướng giảm vì sản lượng tăng.

- ▶ **Thủy sản:** Chính phủ Nga đã có quyết định bổ sung lệnh cấm nhập khẩu một số mặt hàng cá và sản phẩm thủy sản từ Hoa Kỳ, EU, Ca-na-đa, Na-uy, Ucraina, Al-ba-ni-a, Mon-te-ne-go, Ai-xơ-len, Lích-tân-xtai và Anh. Ngành tôm của Ê-cu-a-đo đang đối mặt với những thách thức do mở rộng nuôi tôm trái phép, cung vượt cầu và tác động tiềm ẩn của các hiện tượng tự nhiên
- ▶ **Gỗ và sản phẩm gỗ:** Đồ nội thất là một trong 5 ngành sản xuất của Hoa Kỳ có số lượng đơn đặt hàng mới tăng trưởng trong tháng 6/2023. Xuất khẩu đồ nội thất của Căm-pu-chia nửa đầu năm 2023 giảm 29,67%.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

- ▶ **Cao su:** Tháng 7/2023, giá mủ cao su nước duy trì ở mức 240-280 đồng/TSC. Quý II/2023, xuất khẩu cao su tăng 1% về lượng, nhưng giảm 19,9% về trị giá so với quý II/2022.
- ▶ **Cà phê:** Tháng 7/2023, giá cà phê Robusta trong nước tăng từ 1.800 – 2.300 đồng/kg so với tháng 6/2023. Quý II/2023, xuất khẩu cà phê giảm so với quý trước, nhưng tăng so với cùng kỳ năm ngoái. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của EU chiếm 8,46%; Hoa Kỳ chiếm 5,28%.
- ▶ **Hạt điều:** Quý II/2023, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam tăng mạnh so với quý I/2023 và quý II/2022. 6 tháng đầu năm 2023, Trung Quốc giảm nhập khẩu hạt điều từ Việt Nam, nhưng tăng mạnh nhập khẩu từ các thị trường khác.
- ▶ **Rau quả:** Ước tính, xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam 7 tháng đầu năm 2023 đạt 2,7 tỷ USD, tăng 68,1% so với cùng kỳ năm 2022. Thị phần hàng

rau quả của Việt Nam tại hầu hết các thị trường nhập khẩu lớn tăng, trừ Hoa Kỳ.

- ▶ **Thịt:** Quý II/2023, giá thịt lợn hơi trên cả nước tăng nhẹ; giá thịt bò và thịt gà hơi lông màu ổn định. Trị giá xuất khẩu thịt trong quý II/2023 tăng 16% so với cùng kỳ năm 2022, nhập khẩu giảm 5,3%.
- ▶ **Thủy sản:** 6 tháng đầu năm 2023, sản lượng tôm và cá tra tăng so với cùng kỳ năm 2022 dù giá giảm. Theo ước tính, tháng 7/2023, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tiếp tục cải thiện so với các tháng trước, mức giảm sút so với cùng kỳ năm trước được thu hẹp. Thị phần thủy sản của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của các thị trường giảm.
- ▶ **Gỗ và sản phẩm gỗ:** 7 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam ước đạt 7,2 tỷ USD, giảm 26,2% so với cùng kỳ năm 2022. Thị phần đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của EU, Hoa Kỳ, Anh, Ca-na-đa và Nhật Bản giảm.

THỊ TRƯỜNG CAO SU

- ▶ Sau khi duy trì ở mức thấp trong quý II/2023, giá cao su tại Nhật Bản và Thái Lan tiếp tục giảm trong tháng 7/2023, trong khi giá tại Thượng Hải tăng nhẹ.
- ▶ Trong tháng 7/2023, giá mủ cao su nước duy trì ở mức 240-280 đồng/TSC.
- ▶ Quý II/2023, xuất khẩu cao su tăng 1% về lượng, nhưng giảm 19,9% về trị giá so với quý II/2022.
- ▶ Các tháng đầu năm 2023, trị giá nhập khẩu cao su của các thị trường lớn trên thế giới giảm do giá giảm mạnh.



THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

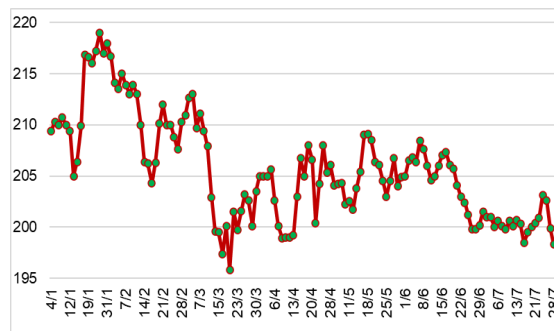
Quý II/2023, giá cao su duy trì ở mức thấp trong bối cảnh tiêu thụ cao su trong ngành công nghiệp ô tô suy yếu do tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại. Tháng 7/2023, giá cao su tại Nhật Bản và Thái Lan tiếp tục giảm, trong khi giá tại Thượng Hải tăng nhẹ. Thị trường bị áp lực bởi lợi nhuận công nghiệp yếu ở Trung Quốc và đồng Yên mạnh lên, mặc dù giá dầu mạnh và hy vọng kích thích từ Chính phủ Trung Quốc đã hạn chế đà giảm.

Trong dài hạn, giá cao su vẫn có cơ hội phục hồi khi các ngân hàng trung ương lớn có khả năng sẽ sớm dừng các đợt tăng lãi suất, điều này sẽ hỗ trợ các ngành sản xuất công nghiệp hồi phục, trong đó có ngành sản xuất ô tô. Bên cạnh đó, trong bối cảnh giá dầu thô hiện duy trì ở mức cao, nhiều khả năng các công ty sản xuất sẫm lốp sẽ chuyển dịch sang sử dụng cao su tự nhiên, thay vì cao su tổng hợp.

+ Tại Sở giao dịch hàng hóa Osaka Exchange (OSE) Nhật Bản, giá cao su RSS3 giao kỳ hạn gần ngày 28/7/2023

giao dịch ở mức 198,3 Yên/kg (tương đương 1,42 USD/kg), giảm 1,6% so với cuối tháng 6/2023 và giảm 21,2% so với cùng kỳ năm 2022.

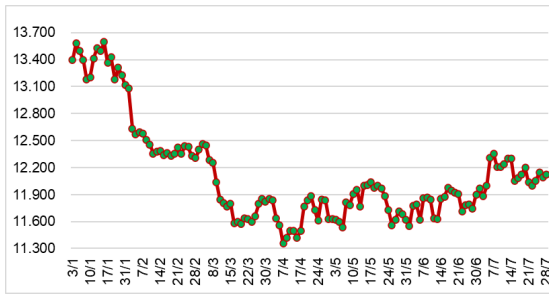
Diễn biến giá cao su RSS3 tại sàn Osaka từ đầu năm 2023 đến nay (ĐVT: Yên/kg)



Nguồn: cf.market-info.jp

+ Tại Sàn giao dịch hàng hóa tương lai Thượng Hải (SHFE), ngày 28/7/2023, giá cao su RSS3 giao kỳ hạn gần ở mức 12.120 NDT/tấn (tương đương 1,69 USD/kg), tăng 1,8% so với cuối tháng 6/2023 và tăng 0,2% so với cùng kỳ năm 2022.

Diễn biến giá cao su giao tại sàn SHFE từ đầu năm 2023 đến nay (ĐVT: NDT/tấn)



Nguồn: shfe.com.cn

+ Tại Thái Lan, ngày 27/7/2023, giá cao su RSS3 chào bán ở mức 50,14 Baht/kg (tương đương 1,45 USD/kg), giảm 3,4% so với cuối tháng 6/2023 và giảm 17,7% so với cùng kỳ năm 2022. Sản lượng tại Thái Lan có thể sẽ giảm trong hai tuần tới do mưa và lũ lụt tại các khu vực trồng cao su.

Theo báo cáo tháng 6/2023 của Hiệp hội các nước sản xuất cao su tự nhiên (ANRPC), sản lượng cao su tự nhiên toàn cầu tháng 6/2023 dự kiến đạt khoảng 1,12 triệu tấn, tăng 11,5% so với tháng 5/2023 và tăng 1,9% so với tháng 6/2022; Trong khi tiêu thụ cao su tự nhiên dự kiến đạt 1,28 triệu tấn, tăng 0,3% so với tháng 5/2023 và tăng 2,2% so với tháng 6/2022.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Quý II/2023, giá mủ cao su nguyên liệu trong nước có xu hướng giảm so với quý trước. Từ nay đến cuối năm, giá cao su trong nước dự kiến vẫn duy trì ở mức thấp.

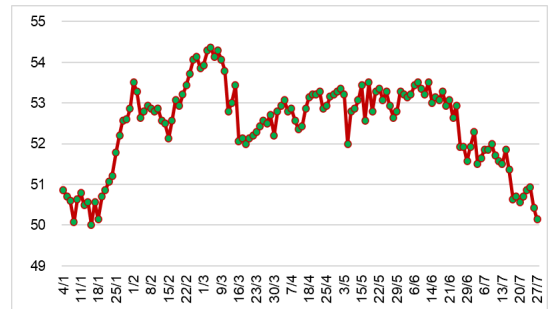
Trong tháng 7/2023, giá mủ cao su nước duy trì ở mức 240-280 đồng/TSC. Tại tỉnh Phú Yên giá mủ nước duy trì ở mức 266 đồng/TSC; tại tỉnh Đồng Nai ở mức 240-245 đồng/TSC; tại thành phố Hồ Chí Minh duy trì ở mức 250 đồng/TSC; tại Bình Phước ở mức 250-280 đồng/TSC;

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CAO SU CỦA VIỆT NAM TRONG QUÝ II/2023

Quý II/2023, giá mủ cao su ở mức thấp và nhu cầu yếu đã ảnh hưởng đến trị giá xuất khẩu cao su của Việt Nam. Theo tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, trong quý II/2023, xuất khẩu

Năm 2023, sản lượng cao su tự nhiên toàn cầu dự kiến sẽ tăng 2,5% so với năm 2022, lên gần 14,89 triệu tấn. Trong đó, sản lượng của Thái Lan, Ma-lai-xi-a dự kiến tăng 2,5%; In-đô-nê-xi-a tăng 1,8%; Trung Quốc giảm 0,1%; Ấn Độ tăng 3,8%; Việt Nam tăng 0,1%; Ma-lai-xi-a tăng 11,4% và các nước khác tăng 2,8%. Trong khi, tiêu thụ cao su tự nhiên toàn cầu dự kiến sẽ giảm 0,03% so với năm 2022, xuống còn khoảng 15,12 triệu tấn. Trong đó, tiêu thụ của Trung Quốc dự kiến tăng 4,3%; Ấn Độ tăng 1,9%; Thái Lan giảm 26%; Ma-lai-xi-a tăng 5,8%; Việt Nam tăng 5,8% và các nước khác tăng 0,6%.

Diễn biến giá cao su RSS3 tại Thái Lan từ đầu năm 2023 đến nay (ĐVT: Baht/kg)



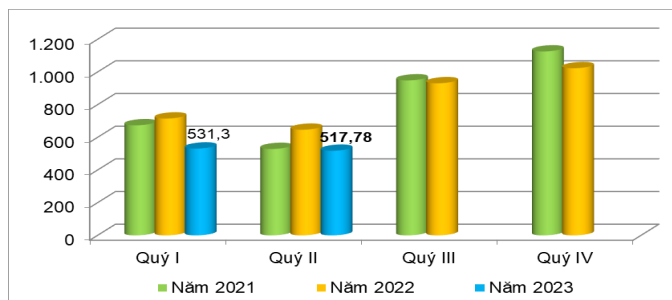
Nguồn: thainr.com

còn tại các tỉnh khác, giá mủ nước dao động quanh mức 240-255 đồng/TSC.

Tại các công ty cao su, giá mủ nước đang được thu mua trong khoảng 250-270 đồng/TSC. Công ty Cao su Phú Riêng thu mua ở mức 250-270 đồng/TSC; Công ty Cao su Phước Hòa mua với giá 262-264 đồng/TSC; Công ty Cao su Đồng Phú giữ mức 270 đồng/TSC; Công ty Cao su Bình Long mua tại mức 259-269 đồng/TSC. Công ty Cao su Bà Rịa thu mua ở mức 240-250 đồng/TSC.

cao su của Việt Nam đạt 384,04 nghìn tấn, trị giá 517,78 triệu USD, tăng 0,6% về lượng, nhưng giảm 2,5% về trị giá so với quý I/2023; So với quý II/2022 tăng 1% về lượng, nhưng giảm 19,9% về trị giá.

Xuất khẩu cao su của Việt Nam theo quý năm 2021 – 2023 (ĐVT: triệu USD)

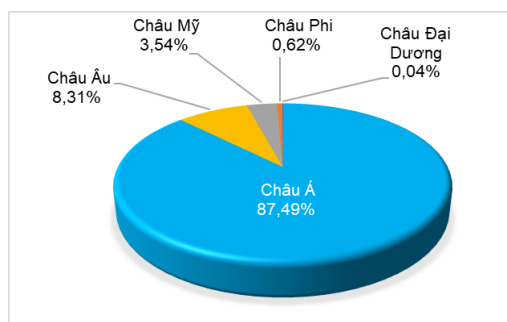


Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

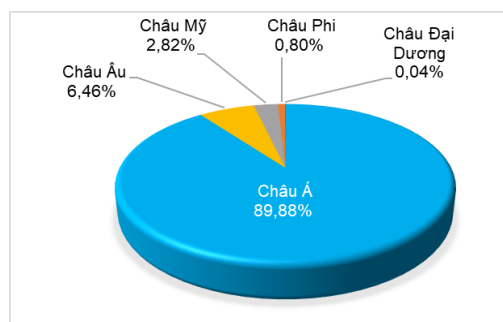
Về thị trường: trong quý II/2023, Việt Nam xuất khẩu cao su chủ yếu sang khu vực châu Á, chiếm tới 90,38% về lượng và chiếm 89,88% về trị giá trong tổng xuất khẩu của cả nước, đạt 347,09 nghìn tấn, trị giá 465,37 triệu USD, tăng 1,8% về lượng, nhưng giảm 1,6% về trị giá so với quý I/2023; So với quý II/2022 tăng 3,5% về lượng, nhưng giảm 17,7% về trị giá.

Cơ cấu khu vực thị trường xuất khẩu cao su của Việt Nam (% tính theo trị giá)

Quý II/2022



Quý II/2023



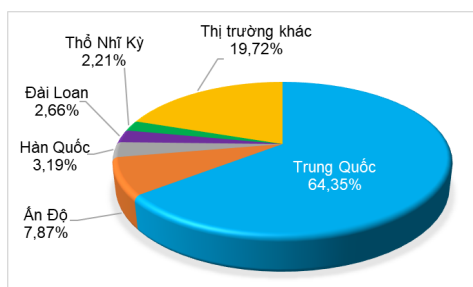
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Trong quý II/2023, Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu cao su lớn nhất của Việt Nam, chiếm 75,23% về lượng và chiếm 73,93% về trị giá trong tổng xuất khẩu của cả nước, đạt 288,9 nghìn tấn, trị giá 382,77 triệu USD, giảm 1,3% về lượng và giảm 3,6% về trị giá so với quý I/2023; tăng 12,8% về lượng, nhưng giảm 8% về trị giá so với quý II/2022.

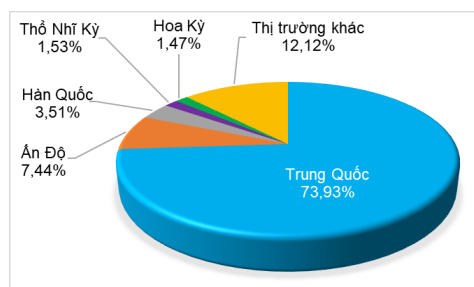
Đứng thứ hai là xuất khẩu tới thị trường Ấn Độ chiếm 7,26% về lượng và chiếm 7,44% về trị giá trong tổng xuất khẩu cao su của cả nước, đạt 27,88 nghìn tấn, trị giá 38,51 triệu USD, tăng 61% về lượng và tăng 55,7% về trị giá so với quý I/2023; Tuy nhiên so với quý II/2022 vẫn giảm 0,6% về lượng và giảm 24,3% về trị giá.

Cơ cấu thị trường chính xuất khẩu cao su của Việt Nam (% tính theo trị giá)

Quý II/2022



Quý II/2023



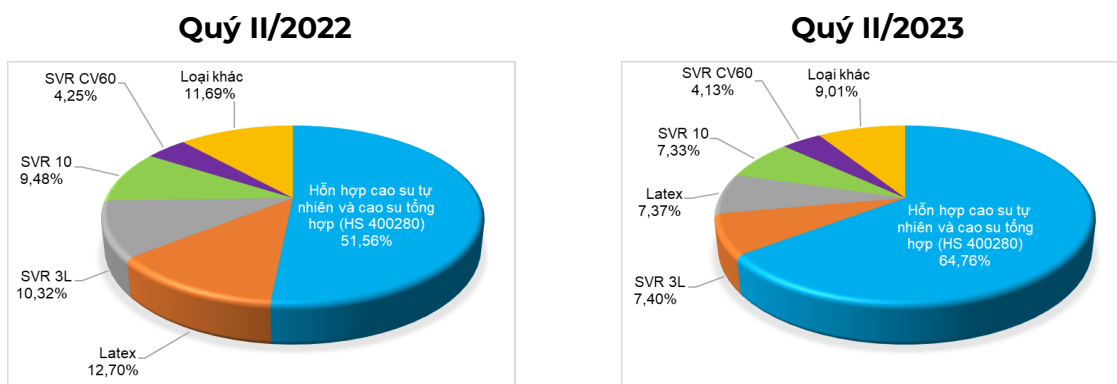
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về chủng loại xuất khẩu: Trong quý II/2023, hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp (HS 400280) là mặt hàng được xuất khẩu nhiều nhất, chiếm 64,09% về lượng và chiếm 64,76% về trị giá trong tổng xuất khẩu cao su của cả nước, đạt 246,14 nghìn tấn, trị giá 335,29 triệu USD, giảm 5,1% về lượng và giảm 6,1% về trị giá so với quý I/2023; Tuy nhiên so với quý II/2022 tăng 24,9% về lượng và tăng 0,6% về trị giá. Trong đó, xuất khẩu sang Trung Quốc chiếm 99,8% về lượng và chiếm 99,7% về trị giá trong tổng xuất

khẩu hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp của cả nước, đạt 245,64 nghìn tấn, trị giá 334,22 triệu USD, tăng 24,8% về lượng và tăng 0,4% về trị giá so với quý II/2022.

Về giá xuất khẩu: trong quý II/2023, giá xuất khẩu bình quân các chủng loại cao su tiếp tục giảm so với cùng kỳ năm 2022, trong đó giá cao su Skim block giảm 31,8%; Latex giảm 27,4%; RSS3 giảm 25%; SVR 10 giảm 21,8%; SVR CV40 giảm 21,1%; SVR CV50 giảm 20,9%...

Chủng loại cao su xuất khẩu của Việt Nam (% tính theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam



DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG CỦA 5 THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CAO SU LỚN VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Trong các tháng đầu năm 2023, trị giá nhập khẩu cao su của các thị trường lớn đều sụt giảm so với cùng kỳ năm 2022 do giá cao su giảm mạnh,

Trung Quốc: Theo số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong quý II/2023, nhập khẩu cao su của nước này đạt 1,97 triệu tấn, trị giá 2,97 tỷ USD, tăng 24,3% về lượng, nhưng giảm 2,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, nhập khẩu cao su của Trung Quốc từ Việt Nam đạt 247,71 nghìn tấn, trị giá 335,36 triệu USD, tăng 24,4% về lượng, nhưng giảm 0,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Thị phần cao su Việt Nam chiếm 12,57% về lượng và chiếm 11,27% về trị giá trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc, cao hơn so với cùng kỳ năm 2022.

Trong mấy tháng gần đây, nhập khẩu cao su của Trung Quốc liên tục tăng khi ngành ô tô nước này đang bắt đầu có những tín hiệu tích cực. Trong khi, Chính phủ nước này đang triển khai nhiều chính sách để phục hồi nền kinh tế. Do đó, trong các tháng cuối năm 2022, dự báo nhập khẩu cao su của thị trường này sẽ tăng trưởng nhẹ. Tuy nhiên, lạm phát dai dẳng và sự phục hồi của nền kinh tế toàn cầu dự kiến sẽ chậm lại vào năm 2023 là những mối lo ngại lớn có thể ảnh hưởng tới nhu cầu tiêu thụ cao su.

EU: Theo số liệu thống kê từ Cơ quan Thống kê châu Âu (Eurostat), trong 4 tháng đầu năm 2023, EU nhập khẩu 1,76 triệu tấn cao su (HS 4001, 4002, 4003, 4005) từ các thị trường trên thế giới, trị giá 4,32 tỷ Eur (tương đương 4,79 tỷ USD), giảm 12,8% về lượng và giảm 5,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, nhập khẩu cao su từ các thị trường nội khối đạt 1,01 triệu tấn, trị giá 2,65 tỷ Eur (tương đương 2,94 tỷ USD), giảm 10,5% về lượng, nhưng tăng 2,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Trong khi đó, nhập khẩu từ các thị trường ngoại khối đạt 751,69 nghìn tấn, trị giá 1,67 tỷ Eur (tương đương 1,85 tỷ USD), giảm 15,7% về lượng và giảm 15,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022.

Nhu cầu nhập khẩu cao su của EU trong các tháng cuối năm 2023 dự báo vẫn cao. Hiện EU chủ yếu nhập khẩu cao su từ các thị trường nội khối. Trong các nguồn cung ngoài khối thì Bồ Đào Nha, Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Hoa Kỳ, Nga, Hàn Quốc là các thị trường lớn nhất cung cấp cao su cho EU. Trong số các nước ASEAN, Thái Lan hiện đang có thị phần lớn nhất về cao su tại EU, tiếp theo là In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a. Trong ASEAN, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su lớn thứ 4 cho EU, nhưng vẫn ở mức thấp.

5 thị trường nhập khẩu cao su lớn nhất thế giới năm 2022 và các tháng đầu năm 2023 - thị phần của Việt Nam

Thị trường	Quý I/2023		Tổng nhập khẩu (triệu USD)				Lũy kế so với cùng kỳ năm 2022 (%)	Thị phần của Việt Nam (%)
	Tổng nhập khẩu (triệu USD)	Thị phần của Việt Nam (%)	Tháng 4/2023	Tháng 5/2023	Tháng 6/2023	Lũy kế năm 2023		
Trung Quốc	3.106	18,11	1.061	948	966	6.082	-8,4	14,77
EU	3.610	0,93	1.115			4.725	-6,4	0,91
Hoa Kỳ	921,36	1,06	315,44	295,10		1.532	-21,2	0,84
Ma-lai-xi-a	565,06	0,86	141,23	154,66		861	-39,4	0,73
Ấn Độ (*)	476,57	4,73	178,75	198,76		854	-21,5	5,03

Nguồn: ITC, Eurostat, Cơ quan Hải quan Trung Quốc, Bộ Thương mại Ấn Độ (Tỷ giá 1 EUR=1,1 USD)

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ

- ▶ Cuối tháng 7/2023, giá cà phê thế giới có xu hướng phục hồi sau khi giảm vào đầu tháng do lo ngại nguồn cung thiếu hụt.
- ▶ Tháng 7/2023, giá cà phê Robusta trong nước tăng từ 1.800 – 2.300 đồng/kg so với tháng 6/2023.
- ▶ Quý II/2023, xuất khẩu cà phê giảm so với quý trước, nhưng tăng so với cùng kỳ năm ngoái.
- ▶ Các tháng đầu năm 2023, nhập khẩu cà phê của EU và Hoa Kỳ giảm, nhưng nhập khẩu từ Việt Nam tăng. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của EU chiếm 8,46%; Hoa Kỳ chiếm 5,28%.

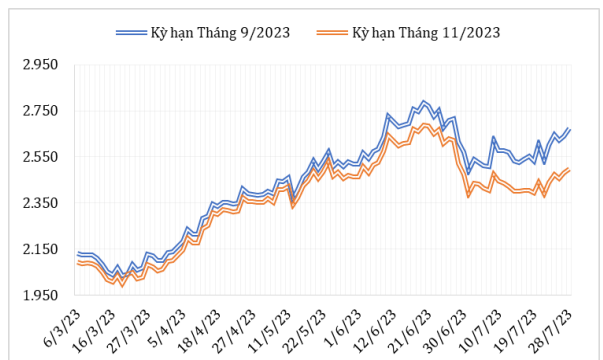


THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ THẾ GIỚI

Quý II/2023, giá cà phê Robusta thế giới duy trì mức cao do thị hiếu tiêu dùng có sự thay đổi và lo ngại thiếu hụt nguồn cung trong ngắn và trung hạn. Tuy nhiên, đà tăng giá đã chậm lại từ cuối tháng 6/2023 kéo dài sang tháng 7/2023 do áp lực bán hàng vụ mới của Bra-xin.

+ Trên sàn giao dịch London, ngày 28/7/2023, giá cà phê Robusta kỳ hạn giao tháng 9/2023, tháng 11/2023, tháng 1/2024 và tháng 3/2024 giảm lần lượt 1,5%, 4,7%, 5,4% và 5,5% so với ngày 28/6/2023, xuống còn 2.673 USD/tấn; 2.499 USD/tấn; 2.418 USD/tấn và 2.385 USD/tấn.

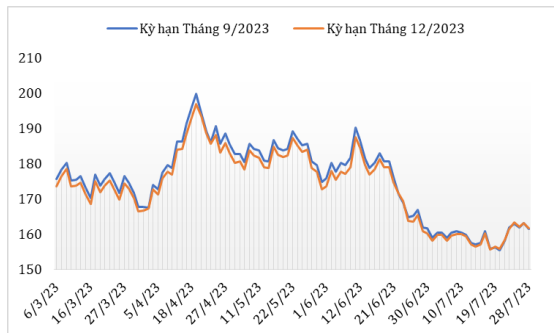
Diễn biến giá cà phê Robusta giao kỳ hạn trên sàn giao dịch London từ đầu năm 2023 đến nay (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Sàn giao dịch London

+ Trên sàn giao dịch New York, ngày 28/7/2023, giá cà phê Arabica giao kỳ hạn tháng 9/2023, tháng 12/2023, tháng 3/2024 và tháng 5/2024 giảm lần lượt 3,3%, 2,2%, 1,4% và 1,1% so với ngày 28/6/2023, xuống còn 161,45 Uscent/lb; 161,7 Uscent/lb; 162,95 Uscent/lb và 163,95 Uscent/lb.

Diễn biến giá cà phê Arabica trên sàn giao dịch New York từ đầu năm 2023 đến nay (ĐVT: Uscent/lb)



Nguồn: Sàn giao dịch New York

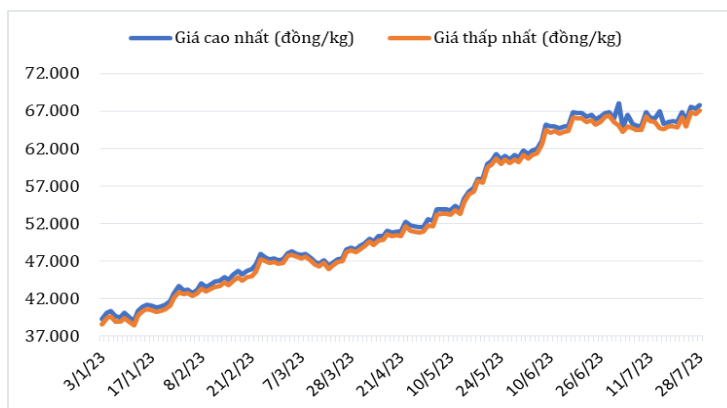
+ Trên sàn giao dịch BMF của Bra-xin, ngày 28/7/2023, giá cà phê Arabica giao kỳ hạn tháng 9/2023, tháng 12/2023 và tháng 3/2024 giảm lần lượt 3,2%, 2,5% và 4,6% so với ngày 28/6/2023, xuống mức 192,5 Uscent/lb, 193,2 Uscent/lb và 192,9 Uscent/lb.

Dự báo: giá cà phê thế giới sẽ tăng trở lại trong các tháng còn lại của quý II/2023. Các yếu tố hỗ trợ giá cà phê tăng: (1) Lo ngại nguồn cung thiếu hụt trong ngắn và trung hạn. Tại Việt Nam, xuất khẩu cà phê giảm trong 6 tháng đầu năm 2023. Tại In-đô-nê-xi-a, Hiệp hội các nhà sản xuất và xuất khẩu cà phê nước này (AEKI) dự kiến sản lượng cà phê trong năm 2023 giảm khoảng 20%, xuống còn 9,6 triệu bao; (2) Tồn kho tại sàn giao dịch ICE – London ngày 27/7/2023 giảm thêm 70 tấn, xuống 53.440 tấn, mức thấp nhất kể từ năm 2016 và chưa ghi nhận có sự cải thiện; (3) Đồng USD suy yếu hỗ trợ giá hàng hóa phục hồi.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Quý II/2023, giá cà phê Robusta tại thị trường nội địa duy trì ở mức cao 65.100 – 66.000 đồng/kg (ngày 30/6/2023) và xu hướng tăng giá tiếp tục diễn ra trong tháng 7/2023. Ngày 28/7/2023, giá cà phê trong nước tăng từ 1.800 – 2.000 đồng/kg (tùy khu vực khảo sát), lên mức 67.100 – 67.800 đồng/kg.

Diễn biến giá cà phê Robusta tại thị trường nội địa từ đầu năm 2023



Nguồn: giacaphe.com

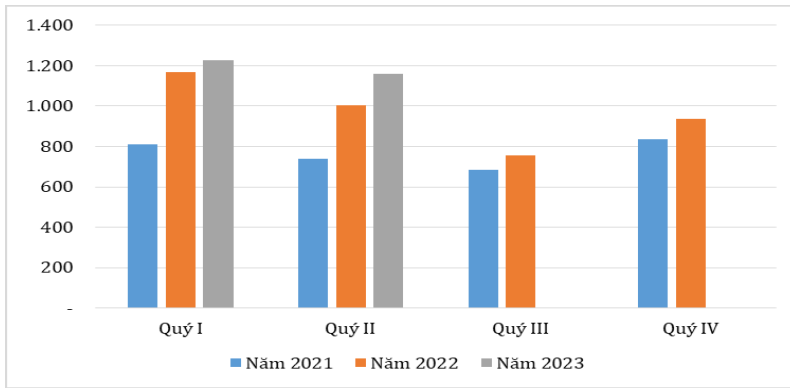
TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU CÀ PHÊ CỦA VIỆT NAM TRONG QUÝ II/2023

Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong quý II/2023 đạt 453,88 nghìn tấn, trị giá 1,16 tỷ USD, giảm 19,7% về lượng và giảm 5,4% về trị giá so với quý I/2023, so với quý II/2022 tăng 3,7% về lượng và tăng 15,7% về trị giá. Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, Việt Nam xuất khẩu cà phê đạt trên 1 triệu tấn, trị giá 2,39 tỷ

USD, giảm 3,1% về lượng, nhưng tăng 2,3% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

Dự báo quý III/2023, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sẽ chậm lại do nguồn cung không còn dồi dào. Tuy nhiên, cà phê xuất khẩu của Việt Nam sẽ được hưởng lợi về giá do thị hiếu tiêu dùng của thế giới có xu hướng dịch chuyển sang cà phê Robusta.

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam qua các quý giai đoạn 2021 – 2023 (ĐVT: triệu USD)



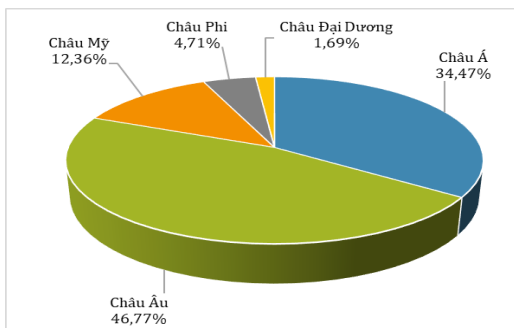
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về khu vực xuất khẩu

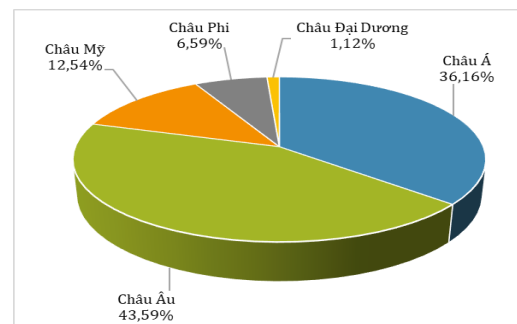
Quý II/2023 so với quý I/2023, xuất khẩu cà phê của Việt Nam có xu hướng chuyển dịch sang các khu vực châu Đại Dương và châu Phi, trong bối cảnh xuất khẩu sang khu vực châu Âu, châu Á giảm. So với quý II/2022, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang hầu hết các khu vực tăng, ngoại trừ châu Đại Dương.

Cơ cấu khu vực thị trường xuất khẩu cà phê trong quý II (tỷ trọng % tính theo trị giá)

Quý II/2022



Quý II/2023



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu thị trường:

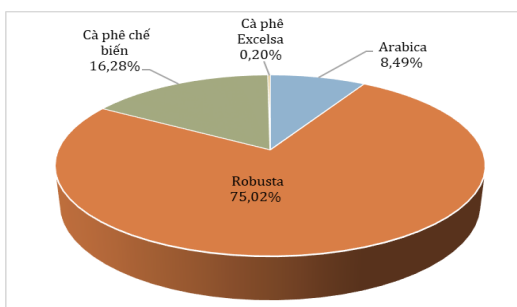
Quý II/2023 so với quý I/2023, ngành cà phê Việt Nam đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường Hoa Kỳ, Nhật Bản, Tây Ban Nha, An-giê-ri, Trung Quốc, ASEAN..., trong khi xuất khẩu sang Đức, Ý, Bỉ, Nga... giảm. So với quý II/2022, xuất khẩu cà phê sang hầu hết các thị trường truyền thống tăng, ngoại trừ Đức, Nga, Bỉ ...

Về cơ cấu chủng loại

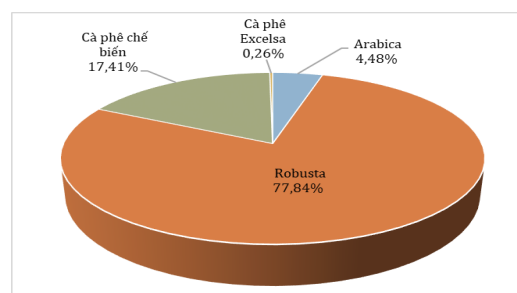
So với quý I/2023, xuất khẩu cà phê Robusta và Arabica của Việt Nam quý II/2023 giảm lần lượt 8,0% và 24,3%, trong khi xuất khẩu cà phê chế biến và cà phê Excelsa tăng trưởng khả quan. So với quý II/2022, xuất khẩu hầu hết các chủng loại cà phê tăng, nhưng xuất khẩu cà phê Arabica giảm 39%.

Cơ cấu chủng loại cà phê xuất khẩu trong quý II (Tỷ trọng tính theo trị giá)

Quý II/2022



Quý II/2023



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CÀ PHÊ CỦA 5 THỊ TRƯỜNG LỚN NHẤT VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Những tháng đầu năm 2023, hầu hết các nền kinh tế lớn trên thế giới giảm nhập khẩu cà phê do nhu cầu tiêu thụ giảm mạnh khi kinh tế vẫn đối mặt với khó khăn, lạm phát có xu hướng giảm song vẫn ở mức cao, căng thẳng địa chính trị kéo dài.

Liên minh châu Âu và Hoa Kỳ là hai thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất thế giới. Do đó, việc 2 thị trường trên giảm nhập khẩu cà phê sẽ tác động tiêu cực lên ngành cà phê thế giới. Tuy nhiên, thị hiếu tiêu dùng cà phê của người dân EU có sự chuyển dịch sang cà phê đặc sản Robusta. Theo Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ, chênh lệch giá ngày càng lớn giữa cà phê Arabica và cà phê Robusta, giữa cà phê Robusta của Việt Nam với các nước sản xuất khác sẽ hỗ trợ xuất khẩu mặt hàng này trong niên vụ mới.

Theo Cơ quan Thống kê châu Âu, 4 tháng đầu năm 2023, EU nhập khẩu cà phê từ thế giới đạt 6,38 tỷ EUR (tương đương 7,1 tỷ USD), giảm 1,7% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong khi EU tăng mạnh nhập khẩu cà phê từ Việt Nam, tăng 34,1%, đạt 540 triệu USD (tương đương



601 triệu USD). Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu cà phê của EU từ thế giới chiếm 8,46% trong 4 tháng đầu năm 2023.

Theo Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, 5 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu cà phê của Hoa Kỳ giảm 10,2% về lượng và giảm 9,5% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 617,1 nghìn tấn, trị giá 3,46 tỷ USD. Mặc dù vậy, Hoa Kỳ vẫn tăng nhập khẩu cà phê từ Việt Nam với mức tăng 41,3% về lượng và tăng 35% về trị giá, đạt 80,76 nghìn tấn, trị giá 182,62 triệu USD. Thị phần cà phê của Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của Hoa Kỳ chiếm 5,28% trong 5 tháng đầu năm 2023.

5 thị trường nhập khẩu cà phê lớn và thị phần của Việt Nam trong các tháng đầu năm 2023

Thị trường	Tổng nhập khẩu năm 2023 (Triệu USD)					So với cùng kỳ năm trước (%)			Thị phần của Việt Nam (%)
	Quý I/2023		Tháng 4/2023	Tháng 5/2023	Lũy kế năm 2023	Tháng 4/2023	Tháng 5/2023	Lũy kế năm 2023	
	Tổng nhập khẩu	Thị phần của Việt Nam (%)							
EU*	5.453	8,14	1.652		7.104	-11,4		-1,7	8,46
Hoa Kỳ**	2.038	5,59	670	753	3.461	-24,6	-2,3	-9,5	5,28
Ca-na-đa	424	1,52	133		557	-23,8		-26,6	1,79
Thụy Sĩ	311	3,47	103,7	111,4	526	4,0	-18,3	0,9	3,61
Nhật Bản	316	5,70	127		443	-27,6		-28,9	17,60

Nguồn: Tính toán từ (*) Cơ quan Thống kê châu Âu. Tỷ giá 1 EUR = 1,1 USD; (**) Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ; Trung tâm Thương mại Quốc tế.

(***) Ghi chú HS 0901 Cà phê, đã hoặc chưa rang hoặc chưa tách cafein; vỏ và vỏ cà phê; sản phẩm thay thế

THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU

- ▶ Quý II và 6 tháng đầu năm 2023, Trung Quốc giảm nhập khẩu hạt điều từ Việt Nam, nhưng tăng mạnh nhập khẩu từ các thị trường khác.
- ▶ 5 tháng đầu năm 2023, Hàn Quốc tăng nhập khẩu hạt điều từ Việt Nam.
- ▶ Quý II/2023, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam tăng mạnh so với quý I/2023 và quý II/2022. Dự báo xuất khẩu hạt điều của nước ta sẽ tăng trong quý III/2023 do yếu tố chu kỳ.
- ▶ Hầu hết các thị trường lớn trên thế giới giảm nhập khẩu hạt điều do nhu cầu tiêu thụ giảm.



THỊ TRƯỜNG HẠT ĐIỀU THẾ GIỚI

- Theo số liệu thống kê từ Cơ quan Hải quan Trung Quốc, quý II/2023, Trung Quốc nhập khẩu hạt điều đạt 10,92 nghìn tấn, trị giá 54,62 triệu USD, giảm 31,2% về lượng và giảm 32,4% về trị giá so với quý II/2022. Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, Trung Quốc nhập khẩu hạt điều đạt 19,34 nghìn tấn, trị giá gần 88,51 triệu USD, giảm 10,8% về lượng và giảm 23% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, Trung Quốc giảm nhập khẩu hạt điều từ Việt Nam, nhưng tăng từ các thị trường Căm-pu-chia, Ga-na, Bồ Biển Ngà.

5 thị trường cung cấp hạt điều lớn nhất cho Trung Quốc quý II/2023 và 6 tháng đầu năm

Thị trường	Quý II/2023		So với quý II/2022 (%)		6 tháng năm 2023		So với cùng kỳ năm ngoái (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Tổng	10.920	54.625	-31,2	-32,4	19.340	88.508	-10,8	-23,0
Việt Nam	7.436	47.091	-34,5	-35,6	12.155	74.814	-20,3	-24,4
Căm-pu-chia	1.927	3.004	7.310,1	6.546,8	1.927	3.004	4.558,2	3.922,2
Ga-na	441	299			494	335		

Thị trường	Quý II/2023		So với quý II/2022 (%)		6 tháng năm 2023		So với cùng kỳ năm ngoái (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Bờ Biển Ngà	438	1.457	129,9	202,3	1.448	4.960	90,4	129,1
Mi-an-ma	421	2.132	-10,5	-16,9	421	2.132	-73,7	-75,9
Thị trường khác	258	642	-93,3	-86,1	2.896	3.263	-27,8	-33,0

Nguồn: Cơ quan Hải quan Trung Quốc

- Theo số liệu từ Trung tâm Thương mại Quốc tế, 5 tháng đầu năm 2023, Hàn Quốc nhập khẩu hạt điều từ thế giới đạt 2,1 nghìn tấn, trị giá 13,24 triệu USD, tăng 29,2% về lượng và tăng 15,3% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Trong

đó, Hàn Quốc nhập khẩu hạt điều từ Việt Nam đạt 1,84 nghìn tấn, trị giá 11,44 triệu USD, tăng 33,8% về lượng và tăng 20,2% về trị giá. Ngược lại, Hàn Quốc giảm nhập khẩu hạt điều từ các thị trường In-đô-nê-xi-a, Hoa Kỳ.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU HẠT ĐIỀU CỦA VIỆT NAM TRONG QUÝ II/2023

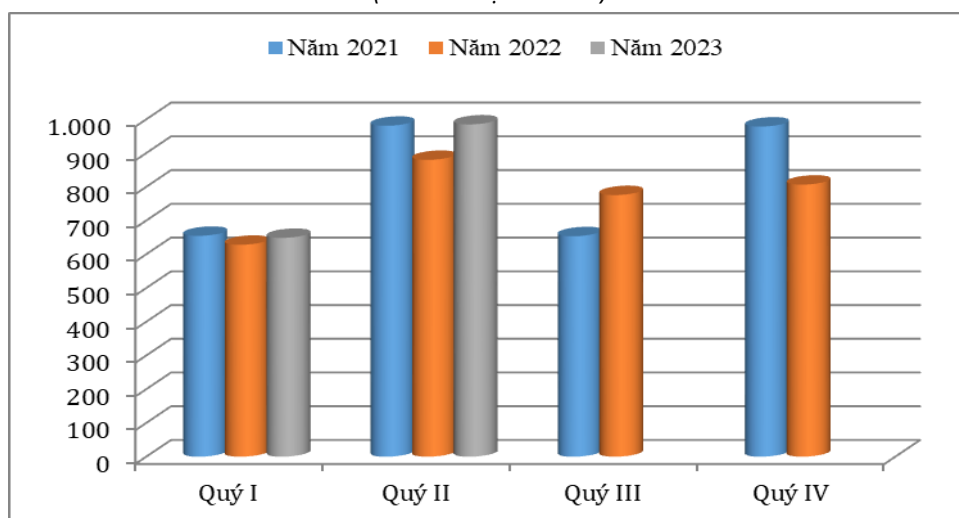
Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam trong quý II/2023 đạt 167,93 nghìn tấn, trị giá 984,9 triệu USD, tăng 50,9% về lượng và tăng 51,9% về trị giá so với quý I/2023, so với quý II/2022 tăng 15,8% về lượng và tăng 11,9% về trị giá. Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu hạt điều đạt 279,43 nghìn tấn, trị giá 1,63 tỷ USD, tăng 11,9% về lượng và tăng 8,8% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

Dự báo quý III/2023, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sẽ tăng nhờ yếu

tố chu kỳ và nhu cầu nhập khẩu từ Hoa Kỳ, EU tăng trở lại. Hiện các nhà máy sản xuất trong nước ký được nhiều đơn hàng mới và nhu cầu tiêu thụ mặt hàng này bắt đầu tăng trở lại. Hoạt động sản xuất diễn ra sôi động, nhiều đơn vị phải tăng công suất chế biến để kịp các đơn hàng đã ký cho 2 quý cuối năm. Việc nâng cao chất lượng, đa dạng sản phẩm và tận dụng tốt cơ hội từ thị trường sẽ giúp cho ngành điều Việt Nam tiếp tục tăng trưởng và bứt phá.

Xuất khẩu hạt điều của Việt Nam theo quý giai đoạn 2021 – 2023

(ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Tổng cục Hải quan

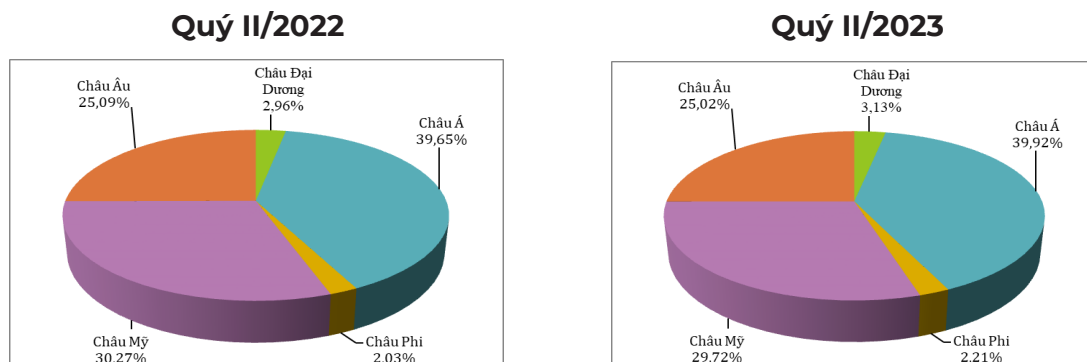
Về khu vực xuất khẩu

Quý II/2023 so với quý I/2023, xuất khẩu hạt điều sang tất cả các khu vực trên thế giới tăng mạnh. Trong đó, tốc độ xuất khẩu sang khu vực châu Á tăng mạnh nhất 63,9%; tiếp đến là xuất khẩu

tới châu Mỹ tăng 49,76%. So với quý II/2022, xuất khẩu hạt điều sang khu vực châu Phi tăng mạnh nhất 21,52%, tiếp đến là châu Đại Dương 18,51%; châu Á tăng 12,75%.

Cơ cấu khu vực thị trường xuất khẩu hạt điều trong quý II

(tỷ trọng % tính theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu thị trường

Quý II/2023 so với quý I/2023, xuất khẩu hạt điều sang hầu hết các thị trường truyền thống và tiềm năng tăng, ngoại trừ Các Tiểu vương quốc Ả rập Thống nhất. Đáng chú ý, tốc độ xuất khẩu hạt điều sang các trường Hoa Kỳ, Trung Quốc, EU, Anh, Úc, Ca-na-đa tăng từ 2 đến 3 con số. So với quý II/2022, xuất khẩu hạt điều sang hầu hết các thị trường tăng, ngoại trừ Anh,

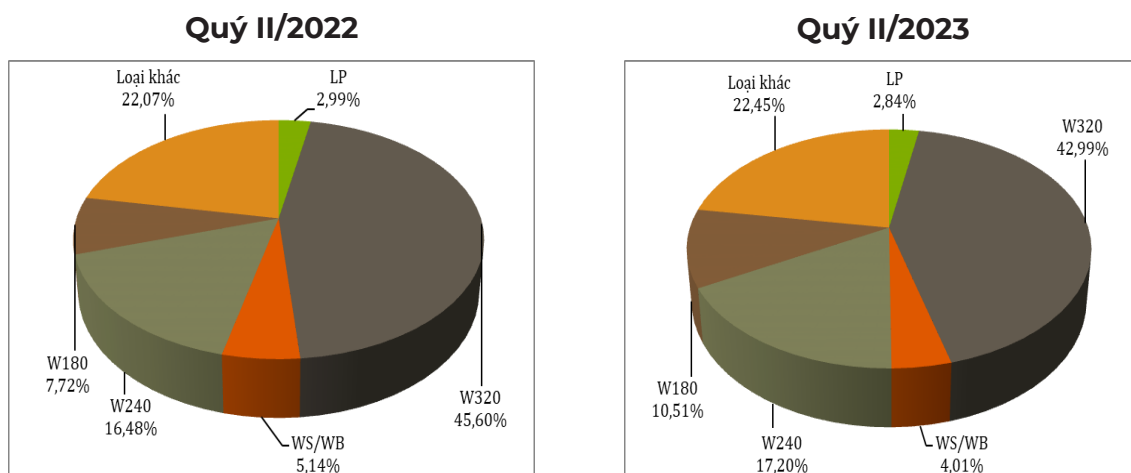
Các Tiểu vương quốc Ả rập Thống nhất, Ix-ra-en.

Về cơ cấu chủng loại

Quý II/2023 so với quý I/2023, xuất khẩu tất cả các chủng loại hạt điều tăng. Các chủng loại hạt điều có tốc độ xuất khẩu tăng trưởng từ 2 đến 3 con số gồm: W180; W210, W240, W320... So với quý II/2022, xuất khẩu hầu hết chủng loại hạt điều tăng, ngoại trừ hạt điều WS/WB, W210, DW, SP.

Cơ cấu chủng loại hạt điều xuất khẩu trong quý II

(Tỷ trọng tính theo trị giá)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU HẠT ĐIỀU CỦA 5 THỊ TRƯỜNG LỚN NHẤT VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Những tháng đầu năm 2023, kinh tế suy yếu, lạm phát tăng cao, chiến sự giữa Nga và Ucraina chưa có dấu hiệu hạ nhiệt khiến hầu hết các nền kinh tế lớn trên thế giới giảm nhập khẩu hạt điều. Điều này ảnh hưởng tiêu cực lên ngành điều toàn cầu nói chung, trong đó có Việt Nam.

Theo Cơ quan Thống kê châu Âu, 4 tháng đầu năm 2023 Liên minh châu Âu nhập khẩu hạt điều từ thế giới đạt xấp xỉ 416,2 triệu EUR (tương đương 463,2 triệu USD), giảm 2,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, EU nhập khẩu hạt điều từ Việt Nam đạt 186,2 triệu EUR (tương đương 207,24 triệu USD), giảm 20,1%. Thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu của EU từ thế giới chiếm 44,7% trong 4 tháng đầu năm 2023.

Theo Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, 5 tháng đầu năm 2023 Hoa Kỳ giảm mạnh nhập khẩu hạt điều từ thế giới, mức giảm 30,7% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 296,6 triệu USD. Trong

đó, nhập khẩu hạt điều của Hoa Kỳ từ Việt Nam giảm 33,1%, đạt xấp xỉ 255 triệu USD. Thị phần hạt điều của Việt Nam trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Hoa Kỳ chiếm 86% trong 5 tháng đầu năm 2023.

Dự báo trong ngắn hạn, ngành điều thế giới vẫn chịu tác động tiêu cực khi nhu cầu đối với hạt điều dùng làm đồ ăn nhẹ hoặc dùng để nấu ăn và món tráng miệng giảm do lạm phát tiêu dùng tăng.

Về dài hạn, khi lạm phát được kiểm soát, kinh tế thế giới phục hồi, nhu cầu tiêu thụ hạt điều sẽ tăng trở lại. Theo Reuters, nhu cầu tiêu thụ hạt điều toàn cầu đạt 9,94 tỷ USD năm 2018 và dự kiến đạt 13,48 tỷ USD năm 2024, với tốc độ tăng trưởng bình quân 5,2% trong giai đoạn 2018 – 2024. Nhận định trên dựa trên các yếu tố; nhu cầu ngày càng tăng của thị trường đối với các món ăn nhẹ tốt cho sức khỏe, trong đó có nhu cầu ngày càng tăng từ Liên minh châu Âu, Hoa Kỳ, Trung Quốc, và sự gia tăng của các cơ sở chế biến lớn ở châu Phi.

5 thị trường nhập khẩu hạt điều lớn và thị phần của Việt Nam trong quý I/2023 và lũy kế

Thị trường	Tổng nhập khẩu năm 2023 (nghìn USD)					So với cùng kỳ năm trước (%)			Thị phần của Việt Nam (%)
	Quý I/2023	Thị phần của Việt Nam (%)	Tháng 4/2023	Tháng 5/2023	Lũy kế 2023	Tháng 4/2023	Tháng 5/2023	Lũy kế năm 2023	
EU*	351.754	45,1	111.446		463.200	1,3		-2,4	44,7
Hoa Kỳ**	168.360	83,8	63.483	64.759	296.602	-12,0	-33,0	-30,7	86,0
Anh	30.675	89,3	10.407		39.679	17,4		-14,9	87,5
Ca-na-đa	19.588	80,0	7.653		27.241	-30,3		-39,9	78,0
Nhật Bản	22.882	51,0	6.517		29.399	4,1		1,8	51,6

Nguồn: (*) Cơ quan Thống kê châu Âu. Tỷ giá quy đổi 1 EUR = 1,113 USD;
 (***) Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ; Trung tâm Thương mại Quốc tế.
 (***) Ghi chú: HS 0901 Hạt điều, đã hoặc chưa rang hoặc chưa tách cafein; vỏ và vỏ hạt điều; sản phẩm thay thế

THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ

- ▶ Trong 5 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu dứa của Ê-cu-a-đo tăng 323% so với cùng kỳ năm 2022.
- ▶ Ước tính, xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam 7 tháng đầu năm 2023 đạt 2,7 tỷ USD, tăng 68,1% so với cùng kỳ năm 2022.
- ▶ Thị phần hàng rau quả của Việt Nam tại hầu hết các thị trường nhập khẩu lớn tăng, trừ Hoa Kỳ.



THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Ê-cu-a-đo: Dẫn nguồn freshplaza.com, theo số liệu thống kê của Liên đoàn các nhà xuất khẩu Ê-cu-a-đo (Fedexor), xuất khẩu trái cây tươi của nước này trong 5 tháng đầu năm 2023 đạt 115 triệu USD, tăng 66% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu trái cây tươi lớn nhất của Ê-cu-a-đo, đạt 76 triệu USD, tăng 62% so với cùng kỳ

năm 2022.

Thanh long là loại trái cây mang lại nguồn ngoại tệ lớn nhất cho Ê-cu-a-đo trong 5 tháng đầu năm 2023, đạt 62 triệu USD, tăng 90% so với cùng kỳ năm 2022. Tiếp đến là trái dứa, đạt 5 triệu USD, tăng 323% so với cùng kỳ năm 2022; xuất khẩu cà chua dạng cây đạt 1 triệu USD, tăng 57%.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU HÀNG RAU QUẢ CỦA VIỆT NAM

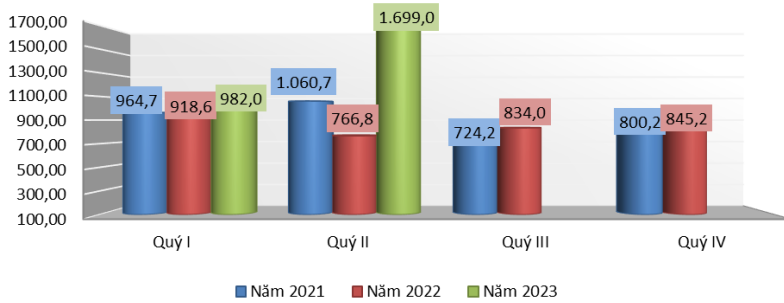
Ước tính, tháng 7/2023 xuất khẩu hàng rau quả đạt 550 triệu USD, giảm 16,9% so với tháng 6/2023, nhưng tăng 122,5% so với tháng 7/2022. 7 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu hàng rau quả ước đạt 2,7 tỷ USD, tăng 68,1% so với cùng kỳ năm 2022.

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu hàng rau quả trong quý II/2023 đạt 1,7 tỷ USD, tăng 73% so với quý trước và tăng 104,8% so với quý

II/2022. Tính trong nửa đầu năm 2023, xuất khẩu hàng rau quả đạt 2,7 tỷ USD, tăng 60,1% so với cùng kỳ năm 2022.

Xuất khẩu rau quả trong nửa đầu năm tăng trưởng nhanh trong bối cảnh nhiều ngành hàng sụt giảm do tổng cầu yếu. Ngành hàng rau quả là điểm sáng trong xuất khẩu hàng hóa của cả nước. Với tốc độ tăng trưởng như hiện tại, dự báo nửa cuối năm xuất khẩu hàng rau quả đạt từ 2,5 tỷ USD đến 2,7 tỷ USD.

Xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam theo quý giai đoạn 2021 – 2023 (ĐVT: Triệu USD)



Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan

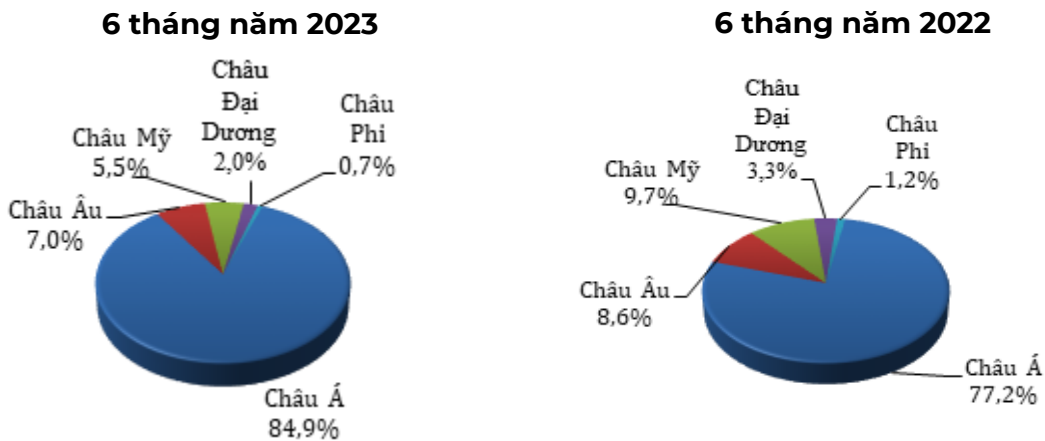
Về thị trường: Hàng rau quả chủ yếu xuất khẩu tới khu vực châu Á trong nửa đầu năm 2023, tỷ trọng xuất khẩu sang khu vực này chiếm 84,9% tổng trị giá xuất khẩu hàng rau quả. Trong đó, xuất khẩu hàng rau quả chủ yếu tới thị trường Trung Quốc, trị giá xuất khẩu hàng rau quả sang thị trường này chiếm 77,6% trong tổng xuất khẩu sang khu vực châu Á và chiếm 65,8% tổng xuất khẩu hàng rau quả. Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu

hàng rau quả tới thị trường Trung Quốc ghi nhận mức cao trong 6 tháng đầu năm 2023, đạt 1,76 tỷ USD, tăng 121,9% so với cùng kỳ năm 2022.

Hàng rau quả xuất khẩu sang các khu vực khác như châu Âu, châu Mỹ, Châu Đại Dương và châu Phi với trị giá chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ, do đó vẫn còn nhiều cơ hội để ngành hàng rau quả tiếp tục mở rộng thị trường trong thời gian tới.

Cơ cấu xuất khẩu hàng rau quả sang các châu lục

(Tỷ trọng % theo trị giá)



Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan

Về chủng loại: Chủng loại quả và quả hạch chiếm tỷ trọng chính trong cơ cấu mặt hàng rau quả xuất khẩu nửa đầu năm 2023, đạt 1,9 tỷ USD, tăng 85,5% so với cùng kỳ năm 2022. Chủng loại quả và quả hạch xuất khẩu chủ yếu tới khu vực châu Á với Trung Quốc là điểm đến chính. Trị giá xuất khẩu quả và quả hạch tới Trung Quốc chiếm 83,3% tổng trị giá

xuất khẩu chủng loại này.

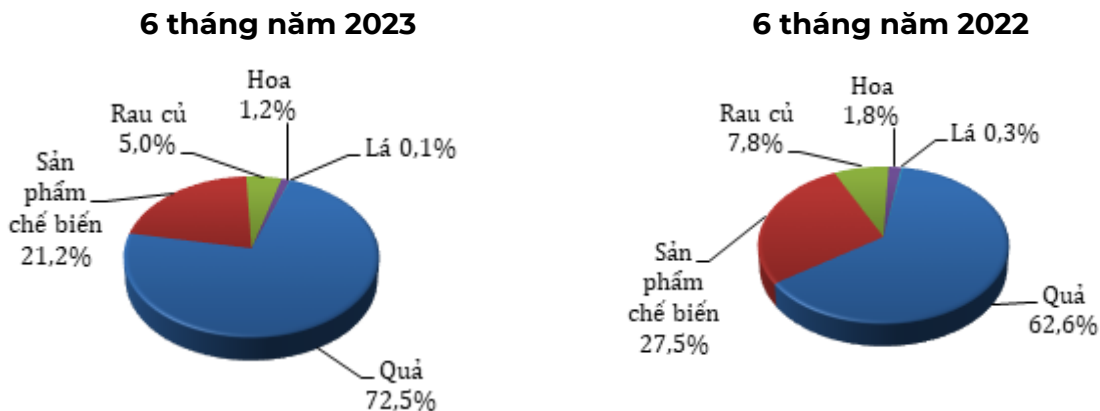
Tiếp theo là chủng loại sản phẩm chế biến, trong nửa đầu năm 2023, trị giá xuất khẩu chủng loại này đạt 568 triệu USD, tăng 23,4% so với cùng kỳ năm 2022. Tốc độ tăng trưởng cao của chủng loại này là nhờ xuất khẩu sang khu vực châu Á và châu Âu tăng trưởng mạnh. Trong đó, xuất khẩu sang châu Á đạt

326,3 triệu USD, tăng 23,7% so với cùng kỳ năm 2022; tiếp theo là xuất khẩu sang thị trường châu Âu đạt 121,5 triệu USD, tăng 68,7%.

Ngoài 2 chủng loại xuất khẩu chính chiếm tỷ trọng cao, còn một số chủng loại khác cũng được xuất khẩu trong 6 tháng đầu năm 2023 như rau củ, hoa và lá.

Cơ cấu chủng loại hàng rau quả xuất khẩu

(ĐVT: % theo trị giá)



Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG 5 THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU HÀNG RAU QUẢ LỚN NHẤT THẾ GIỚI VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Trong cơ cấu thị trường nhập khẩu hàng rau quả trên toàn cầu, EU là thị trường nhập khẩu lớn nhất, tiếp đến là Hoa Kỳ, Trung Quốc, Anh và Ca-na-đa. Trong đó, hầu hết các thị trường lớn đều tăng trị giá nhập khẩu hàng rau quả, trừ thị trường Anh và Ca-na-đa.

Dẫn đầu về trị giá nhập khẩu là thị trường EU. Theo số liệu thống kê từ Eurostat, trong 4 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu hàng rau quả (HS 06,07,08 và 20, trong đó mã HS08 trừ đi mã 080131 và 080132) của EU đạt 47,6 tỷ USD, tăng 8,6% so với cùng kỳ năm 2022. Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam còn rất thấp, chỉ chiếm 0,18% tổng trị giá nhập khẩu của EU. Trong khi đó, nhu cầu tiêu dùng của EU trải đều trong năm và phụ thuộc

phần lớn vào việc nhập khẩu từ bên ngoài. Để rau quả vào được thị trường EU, các doanh nghiệp xuất khẩu cần chú ý, người dân EU chỉ tiêu dùng sản phẩm chất lượng cao và đồng nhất, đảm bảo an toàn thực phẩm, tiện lợi, các sản phẩm phải được sản xuất theo quy trình bền vững, ít phát thải và có trách nhiệm xã hội.

Với thị trường Hoa Kỳ, theo số liệu thống kê từ Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, trị giá nhập khẩu hàng rau quả của Hoa Kỳ trong 5 tháng đầu năm 2023 đạt 24,1 tỷ USD, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam có xu hướng giảm, chiếm 0,6% tổng nhập khẩu, giảm 0,12 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2022. Với nhu cầu nhập khẩu hàng rau quả trên 46 tỷ USD/năm, Hoa Kỳ là thị trường tiềm năng đối với các nước xuất khẩu hàng rau quả, trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên, việc khai thác thị trường này vẫn chưa được như kỳ vọng, do khoảng cách địa lý giữa Việt Nam và Hoa Kỳ quá xa nên nếu đưa trái cây tươi vào Hoa Kỳ thì vấn đề công nghệ bảo quản dài ngày phải được ưu tiên hàng đầu. Trái cây của



Việt Nam xuất khẩu sang Hoa Kỳ hiện mới hướng đến đối tượng tiêu dùng là người châu Á, trong đó, cộng đồng người Việt ở Hoa Kỳ là chính. Đây là một nguyên nhân khiến trái cây Việt Nam vào Hoa Kỳ chưa nhiều. Cần đẩy mạnh quảng bá, giới thiệu sản phẩm đến các cộng đồng khác vì Hoa Kỳ là quốc gia hợp chúng quốc; Việc thực hiện yêu cầu chi tiêu sạ với sản phẩm xuất tươi trong khi cơ sở chi tiêu sạ của ta đáp ứng yêu cầu của Hoa Kỳ còn quá ít, đã làm tăng chi phí vận chuyển. Theo đó, cần giải quyết các vấn đề hạ tầng như giao thông, khoa học công nghệ, thương mại điện tử, logistics, công nghệ giống và bảo quản sau thu hoạch, tìm hiểu thị hiếu khách hàng, quảng bá tiếp thị và xây dựng thương hiệu quốc gia cho nông sản Việt Nam.

Trung Quốc là thị trường nhập khẩu hàng rau quả lớn thứ 3 trên thế giới. Theo số liệu thống kê từ Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong 6 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu hàng rau quả của Trung Quốc đạt 13,7 tỷ USD, tăng 6,8% so với cùng kỳ năm 2022. Với lợi thế về vị trí địa lý gần với Trung Quốc, việc vận chuyển hàng rau quả tươi của Việt Nam sang thị trường này có chi phí thấp hơn, giữ được độ tươi và chất lượng, nên có khả năng cạnh tranh hơn so với các nguồn cung cấp khác. Tuy nhiên, để gia

tăng trị giá xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, hàng rau quả của Việt Nam phải có chất lượng tốt, đáp ứng thị hiếu tiêu dùng. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp Việt Nam cần nắm vững và tuân thủ hệ thống quy định, tiêu chuẩn hiện hành của thị trường Trung Quốc. Doanh nghiệp cần thường xuyên cập nhật và tuân thủ quy định về tiêu chuẩn chất lượng, kiểm nghiệm, kiểm dịch, bao bì đóng gói, truy xuất nguồn gốc của thị trường Trung Quốc. Bên cạnh đó, có chiến lược về logistics, xây dựng được các kho bảo quản nông sản ở các địa phương biên giới giúp bảo quản lâu hơn, giữ được chất lượng tốt khi đến thời hạn giao hàng.

Anh và Ca-na-đa cũng là 2 thị trường nhập khẩu chính hàng rau quả trên toàn thế giới, tuy nhiên nhu cầu nhập khẩu của cả 2 thị trường này đều giảm trong những tháng đầu năm 2023. Trong đó, trị giá nhập khẩu hàng rau quả của Anh đạt 6,1 tỷ USD trong 4 tháng đầu năm 2023, giảm 5,3% so với cùng kỳ năm 2022; tiếp theo là Nhật Bản đạt 5,4 tỷ USD trong 5 tháng đầu năm 2023, giảm 38%. Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam của cả 2 thị trường chỉ chiếm chưa đến 1% tổng trị giá nhập khẩu, rất thấp so với nhu cầu. Do vậy, vẫn còn nhiều cơ hội để các doanh nghiệp xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam khai thác.

5 thị trường nhập khẩu hàng rau quả lớn nhất trên thế giới và tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam

Thị trường	Quý I/2023 (triệu USD)	Năm 2023 (triệu USD)				Lũy kế so với cùng kỳ năm 2022 (%)	Thị phần của Việt Nam (%)	
		Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Lũy kế		Lũy kế năm 2023	Lũy kế năm 2022
EU	35.873	11.718			47.591	8,6	0,18	0,16
Hoa Kỳ	14.932	4.664	4.549		24.145	3,1	0,60	0,72
Trung Quốc	6.117	2.611	2.400	2.521	13.650	6,8	11,56	8,52
Anh	4.488	1.587			6.075	-5,3	0,16	0,15
Ca-na-đa	3.219	1.070	1.144		5.433	-38,0	0,48	0,43

Nguồn: Eurostat, Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ, Cơ quan Hải quan Trung Quốc, ITC, Cơ quan Thống kê Ca-na-đa (Tỷ giá: 1 Eur = 1,1 USD)
(Ghi chú: HS 06,07,08 và 20, trong đó mã HS08 trừ đi mã 080131 và 080132)

THỊ TRƯỜNG THỊT

- ▶ Giá thịt lợn tại Hoa Kỳ tăng do nguồn cung hạn chế trong bối cảnh chi phí sản xuất cao và dịch tả lợn châu Phi bùng phát trở lại ở nhiều nước trên thế giới; Giá lợn hơi tại Trung Quốc có xu hướng giảm vì sản lượng tăng.
- ▶ Trong quý II/2023, giá thịt lợn hơi trên cả nước tăng nhẹ; trong khi giá thịt bò và thịt gà hơi lông màu duy trì ở mức ổn định.
- ▶ Quý II/2023, trị giá xuất khẩu thịt tăng 16% so với cùng kỳ năm 2022, nhập khẩu giảm 5,3%.



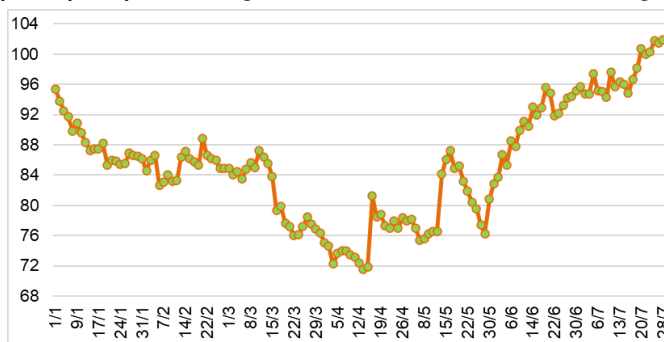
THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Trong quý II/2023, giá thịt lợn tại Hoa Kỳ tăng mạnh, nhất là từ tháng 6/2023 đến nay do nguồn cung hạn chế trong bối cảnh chi phí sản xuất cao và dịch tả lợn châu Phi bùng phát trở lại ở nhiều nước trên thế giới. Tuy nhiên, giá lợn hơi tại Trung Quốc có xu hướng giảm vì sản lượng tăng.

Trong tháng 7/2023, giá lợn nạc tại Chicago, Hoa Kỳ liên tục tăng mạnh.

Ngày 28/7/2023, giá lợn nạc tại Chicago, Hoa Kỳ giao kỳ hạn gần ở mức 101,95 UScent/lb, tăng 7,1% so với cuối tháng 6/2023 và tăng 5,9% so với cùng kỳ năm 2022 nhờ các nước châu Á tăng mua hàng nhập khẩu, nguồn cung tiếp tục hạn chế ở một số nhà xuất khẩu hàng đầu do chi phí sản xuất cao và các vấn đề về dịch bệnh liên quan đến động vật.

Diễn biến giá lợn nạc tại Hoa Kỳ từ đầu năm 2023 đến nay (ĐVT: UScent/lb)



Nguồn: cmegroup.com

Giá thịt lợn tại Trung Quốc từ đầu năm 2023 đến nay có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm 2022 nên một số nhà sản xuất bắt đầu giảm dần trong quý II/2023 và tăng khối lượng giết mổ. Giá thịt lợn từ đầu năm 2023 đến nay tại Trung Quốc dao động quanh mức 15 NDT/kg (tương đương 2,1 USD/kg), thấp hơn nhiều so với chi phí sản xuất trung bình là 18 NDT/kg. Trong tháng 7/2023, giá lợn hơi tại Trung Quốc vẫn dao động ở mức thấp, trung bình đạt 14,23-14,4 NDT/kg. Giá lợn hơi Trung Quốc đang tiến gần đến mức giá ở châu Âu, đây là điều chưa từng xảy ra. Trong khi đó, Hoa Kỳ và Bra-xin đang trở thành các nguồn cung cấp thịt lợn cạnh tranh hơn so với EU về giá cả.

Ủy ban Phát triển và Cải cách Quốc gia Trung Quốc sẽ bắt đầu đợt thu mua và dự trữ thịt lợn vào kho dự trữ trung ương đợt thứ hai, đồng thời hướng dẫn các địa phương thu mua và lưu trữ. Đây là một biện pháp quan trọng nhằm đẩy giá lợn hơi về mức hợp lý. Việc thu mua và lưu trữ này rất nhỏ so với nguồn cung trên thị trường và sẽ không làm thay đổi cơ cấu cung và cầu tổng thể. Hiện nguồn cung lợn hơi của Trung Quốc vẫn ở mức cao. Ngoài ra, tháng 7 và tháng 8 là mùa thấp điểm tiêu thụ thịt lợn tại Trung Quốc nên giá lợn hơi khó có thể đảo chiều trong thời gian ngắn.

Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) dự báo sản lượng thịt lợn thế giới năm 2023 thực tế không thay đổi ở mức 114,8 triệu tấn. Dự báo sản lượng tăng ở Trung Quốc, Ca-na-da và Bra-xin, bù đắp cho sự sụt giảm ở EU, Nhật Bản, Phi-líp-pin và Mê-hi-cô. Sản lượng của EU tiếp tục giảm do áp lực pháp lý về môi trường, tiêu dùng yếu hơn và chi phí sản xuất cao. Sản lượng thịt lợn của Phi-líp-pin ước tính giảm 3% do dịch tả lợn châu Phi (ASF) lan rộng tại các vùng sản xuất chính.

Trong khi đó, xuất khẩu thịt lợn thế giới năm 2023 được dự báo cao hơn 2% so với dự báo đưa ra hồi tháng 4/2023, đạt 10,8 triệu tấn. Xuất khẩu thịt lợn tăng từ Hoa Kỳ và Bra-xin bù đắp cho sự sụt giảm từ Ca-na-da, Anh và EU.

Nguồn cung thịt lợn giảm tại EU tạo cơ hội cho Hoa Kỳ và Bra-xin giành thị phần tại châu Á, bao gồm Hàn Quốc và Phi-líp-pin. Nhu cầu mạnh từ Trung Quốc đã mang lại lợi ích cho hầu hết các nhà xuất khẩu thịt lợn lớn.

Bra-xin tiếp tục tăng xuất khẩu và lập kỷ lục đối với thịt bò, thịt lợn và thịt gà. Xuất khẩu thịt lợn của Bra-xin dự kiến sẽ cao hơn 8% so với năm 2022, đạt 1,5 triệu tấn. Điều này là do xuất khẩu sang hầu hết các thị trường ở châu Á tăng, đặc biệt là từ Trung Quốc và Hồng Kông. Giá thức ăn chăn nuôi thấp hơn ở Bra-xin dự kiến sẽ tiếp tục thúc đẩy sản xuất và tăng cường khả năng cạnh tranh về giá.

Theo USDA, Trung Quốc dự kiến sẽ sản xuất 56 triệu tấn thịt lợn trong năm 2023, tăng 1,1% so với năm 2022; Khối lượng nhập khẩu ước tính tăng 8,2%, đạt 2,3 triệu tấn.

Theo Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc, sản lượng thịt lợn của Trung Quốc trong quý II/2023 đạt 14,4 triệu tấn, tăng 4,6% so với cùng kỳ năm 2022, mức cao nhất quý II trong 10 năm qua. Thông thường, quý II là khoảng thời gian có sản lượng thịt lợn của Trung Quốc thấp nhất, do hoạt động giết mổ gia tăng trong dịp Tết Nguyên đán, nhưng năm nay, nguồn cung dồi dào, đàn lợn tăng hơn năm trước, ngay cả khi nhu cầu giảm do tăng trưởng kinh tế chậm lại. Trong 6 tháng đầu năm 2023, sản lượng thịt lợn của Trung Quốc đạt 30,3 triệu tấn, tăng 3,2% so với cùng kỳ năm 2022; Lượng lợn giết mổ đạt 375,48 triệu con, tăng 2,6%; Trong khi đàn lợn trong quý II/2023 cũng tăng lên 435,17 triệu con, tăng từ mức 430,94 triệu con trong quý I/2023. Các nhà sản xuất lớn cho biết sẽ giảm sản lượng trong nửa cuối năm 2023.

Theo số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong quý II/2023, Trung Quốc nhập khẩu 1,8 triệu tấn thịt và các sản phẩm từ thịt, trị giá 6,74 tỷ USD, tăng 3,7% về lượng, nhưng giảm 7,8% về trị giá so cùng kỳ năm 2022, chủ yếu nhập khẩu từ Bra-xin, Hoa Kỳ, Tây Ban Nha, Ác-hen-ti-na, Niu Di-Lân, Úc... Trừ Bra-xin và Hoa Kỳ, lượng thịt nhập khẩu của

Trung Quốc từ các thị trường này đều tăng so cùng kỳ năm 2022.

Trong quý II/2023, Trung Quốc nhập khẩu 595,93 nghìn tấn thịt trâu, bò (HS 0201; 0202), trị giá 3,24 tỷ USD, giảm 7,1% về lượng và giảm 25% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, chủ yếu nhập khẩu từ Bra-xin, Ác-hen-ti-na, U-ru-goay, Niu Di-Lân, Úc... Trừ Bra-xin và U-ru-goay, lượng thịt trâu, bò nhập khẩu của Trung Quốc từ các thị trường này đều tăng so cùng kỳ năm 2022.

Lượng thịt lợn nhập khẩu của Trung Quốc tiếp tục tăng nhẹ trong quý II/2023. Theo số liệu của Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trong quý II/2023, Trung Quốc nhập khẩu 404,62 nghìn tấn thịt lợn (HS 0203), với trị giá 914,67 triệu

USD, tăng 4,8% về lượng và tăng 20,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Các thị trường cung cấp thịt lợn lớn nhất cho Trung Quốc trong quý II/2023 gồm: Tây Ban Nha, Bra-xin, Ca-na-da, Hoa Kỳ, Hà Lan, Chi lê... Nhập khẩu thịt lợn của Trung Quốc từ các thị trường này đều tăng so với cùng kỳ năm 2022.

Trong quý II/2023, Trung Quốc nhập khẩu 373,8 nghìn tấn thịt và phụ phẩm của gia cầm (HS 0207), với trị giá 1,18 tỷ USD, tăng 8,2% về lượng và tăng 22% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022, chủ yếu nhập khẩu từ Bra-xin, Hoa Kỳ, Nga, Thái Lan, Bê-la-rút... Trừ Hoa Kỳ, lượng thịt và phụ phẩm gia cầm nhập khẩu của Trung Quốc từ các thị trường này đều tăng so cùng kỳ năm 2022.



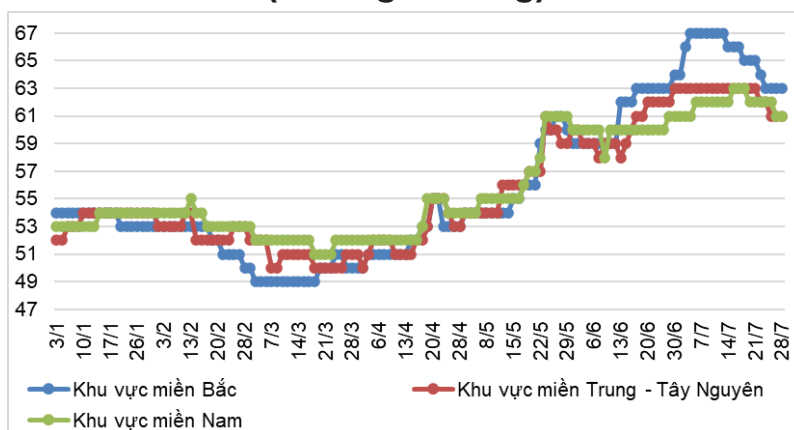
THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Trong quý II/2023, giá thịt lợn hơi trên cả nước tăng nhẹ; trong khi giá thịt bò và thịt gà hơi (lông màu) duy trì ở mức ổn định. Theo chu kỳ, giá lợn hơi thường tăng cao trong quý III và IV hàng năm, nên dự báo giá lợn hơi sẽ tiếp tục duy trì ở mức hiện nay hoặc tăng nhẹ trong thời gian tới, tuy nhiên khả năng sẽ khó vượt mốc 70.000 đồng/kg.

Trong tháng 7/2023, giá lợn hơi trên cả nước biến động mạnh, sau khi chạm đỉnh cao nhất kể từ đầu năm đến nay

ở mức 67.000 đồng/kg (từ ngày 05-13/7/2023), giá có xu hướng giảm nhẹ trong 2 tuần gần đây. Hiện tại, giá khảo sát ở các tỉnh, thành phố dao động trong khoảng 58.000 - 63.000 đồng/kg. Cụ thể, hiện giá lợn hơi tại khu vực miền Bắc dao động trong khoảng 61.000 - 63.000 đồng/kg, giảm 1.000 đồng/kg so với cuối tháng trước. Tại khu vực miền Trung, Tây Nguyên và miền Nam giá lợn hơi dao động trong khoảng 58.000 - 61.000 đồng/kg, giảm 1.000 - 2.000 đồng/kg so với cuối tháng trước.

Diễn biến giá lợn hơi trong nước năm 2023 (ĐVT: nghìn đồng)



Nguồn: Trung tâm Công nghiệp và thương mại tổng hợp

Trong 6 tháng đầu năm 2023, tổng đàn lợn của cả nước đạt khoảng 26 triệu con, tăng 2,5%; Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng đạt khoảng 2,32 triệu tấn, tăng 6,5% so với cùng kỳ năm 2022. Tổng số trâu của cả nước giảm khoảng 1,7%; Sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng đạt

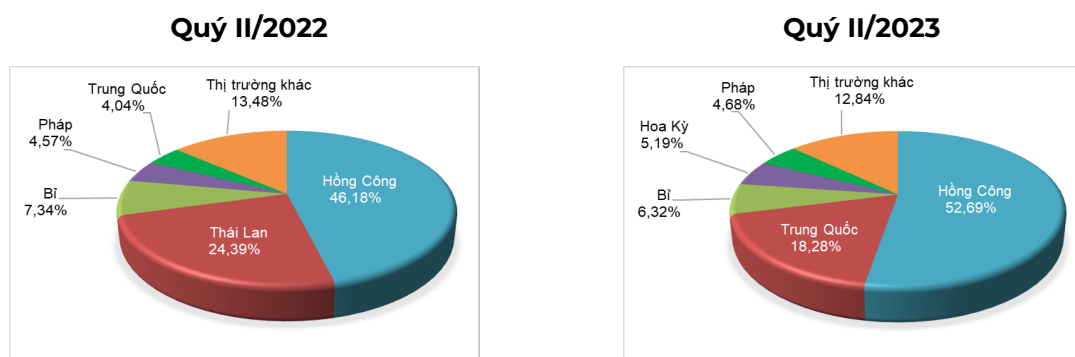
khoảng 61,2 nghìn tấn, giảm 0,9%. Tổng số bò tăng khoảng 0,9%; Sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng đạt khoảng 245,3 nghìn tấn, tăng 2,6%. Tổng số gia cầm của cả nước tăng khoảng 0,9%; Sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng ước đạt 1041,8 nghìn tấn, tăng 4,8% so với cùng kỳ năm 2022.

TÌNH HÌNH XUẤT, NHẬP KHẨU THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT CỦA VIỆT NAM TRONG QUÝ II/2023

Về xuất khẩu: Theo số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam, trong quý II/2023, Việt Nam xuất khẩu được 4,54 nghìn tấn thịt và sản phẩm thịt, trị giá 23,84 triệu USD, giảm 22,7% về lượng và giảm 15,9% về trị giá so với quý I/2023; So với quý II/2022 giảm 12,1% về lượng, nhưng tăng 16% về trị giá. Thịt và sản phẩm thịt của Việt Nam được xuất khẩu chủ yếu sang các nước thuộc khu vực châu

Á, trong đó xuất khẩu sang thị trường Hồng Kông là nhiều nhất, chiếm 45,35% về lượng và chiếm 52,69% về trị giá trong tổng xuất khẩu thịt và các sản phẩm thịt của cả nước, với 2,06 nghìn tấn, trị giá 12,56 triệu USD, giảm 19,8% về lượng và giảm 24,4% về trị giá so với quý I/2023; Tuy nhiên so với quý II/2022 lại tăng 2,1% về lượng và tăng 32,4% về trị giá.

Cơ cấu thị trường chính xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam (Tỷ trọng % tính theo kim ngạch)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Trong quý II/2023, các chủng loại thịt và các sản phẩm từ thịt xuất khẩu chủ yếu gồm: Thịt lợn tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh (chủ yếu là thịt lợn sữa nguyên con đông lạnh và thịt lợn nguyên con đông lạnh) được xuất khẩu sang thị trường Hồng Kông; Thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của gia cầm tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh (chủ yếu là chân gà đông lạnh) được xuất khẩu chủ yếu sang Trung Quốc; Thịt khác và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ của động vật khác, tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh (chủ yếu là thịt ếch đông lạnh) được xuất khẩu chủ yếu sang Bỉ, Pháp, Hoa Kỳ...). Đáng chú ý, trừ thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của gia cầm, xuất khẩu các chủng loại thịt và các sản phẩm từ thịt trên đều sụt giảm so với cùng kỳ năm 2022.

Việt Nam hiện có 67 nhà máy chế biến thịt quy mô công nghiệp, sản phẩm giá trị gia tăng cao (đồ hộp, hun khói, xúc xích...), chế biến phụ phẩm sau giết mổ (nước xương, thức ăn chăn nuôi) đã

được đầu tư. Tuy nhiên, quy mô chế biến thịt lợn của nước ta mới chỉ ở mức 1,3 triệu tấn/năm, chiếm 20-22% sản lượng lợn thịt xuất chuồng. Muốn mở rộng thị trường xuất khẩu thịt, cần phải phát triển mạnh các nhà máy chế biến, với sản phẩm phải đảm bảo các tiêu chuẩn quốc tế.

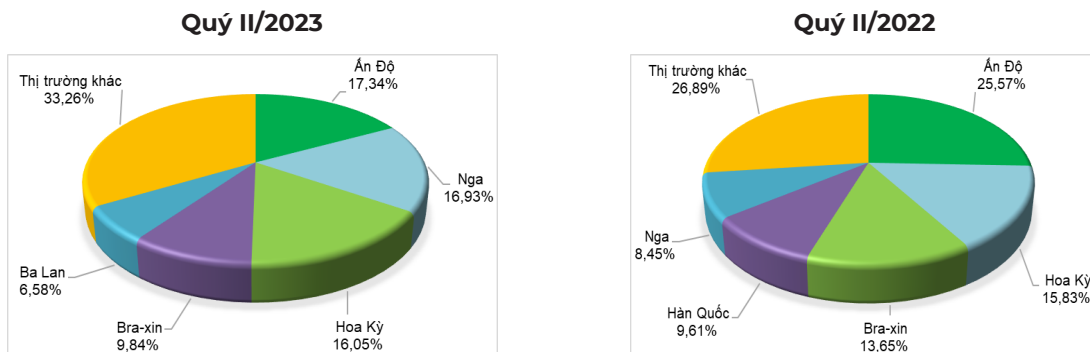
Thời gian qua Việt Nam đã có nhiều hoạt động đẩy mạnh xúc tiến xuất khẩu thịt và các sản phẩm thịt. Trong đó, sản phẩm gia cầm, đặc biệt là các sản phẩm gia cầm chế biến chín đã được xuất khẩu sang các thị trường khó tính như Nhật Bản, Nga, Hồng Kông và một số thị trường thuộc Liên minh châu Âu. Hiện nay phía Hàn Quốc đang tiến hành đánh giá và dự kiến trong thời gian tới Việt Nam có thể xuất khẩu thịt gia cầm sang Hàn Quốc.

Về nhập khẩu: Nhập khẩu thịt và các sản phẩm từ thịt của Việt Nam tăng trở lại trong quý II/2023. Theo tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam, quý II/2023, Việt Nam nhập khẩu 165,12 nghìn tấn thịt và sản phẩm từ thịt, trị giá 326,8 triệu USD, tăng 26,6% về lượng và tăng 20,4% về trị giá so với quý I/2023; So với quý II/2022, tăng 6,5% về lượng, nhưng giảm 5,3% về trị giá.

Trong quý II/2023, Ấn Độ, Nga, Hoa Kỳ, Bra-xin và Ba Lan là 5 thị trường lớn nhất cung cấp thịt và sản phẩm từ thịt cho Việt Nam. Trong đó, Ấn Độ là thị trường lớn nhất cung cấp thịt và sản phẩm từ thịt cho Việt Nam với 28,62 nghìn tấn, trị giá 87,27 triệu USD, giảm 22,7% về lượng và giảm 16,7% về trị giá so với quý I/2023; So với quý II/2022, giảm 27,8% về lượng và giảm 32,5% về trị giá.



Cơ cấu thị trường cung cấp thịt và sản phẩm từ thịt cho Việt Nam (Tỷ trọng % tính theo lượng)



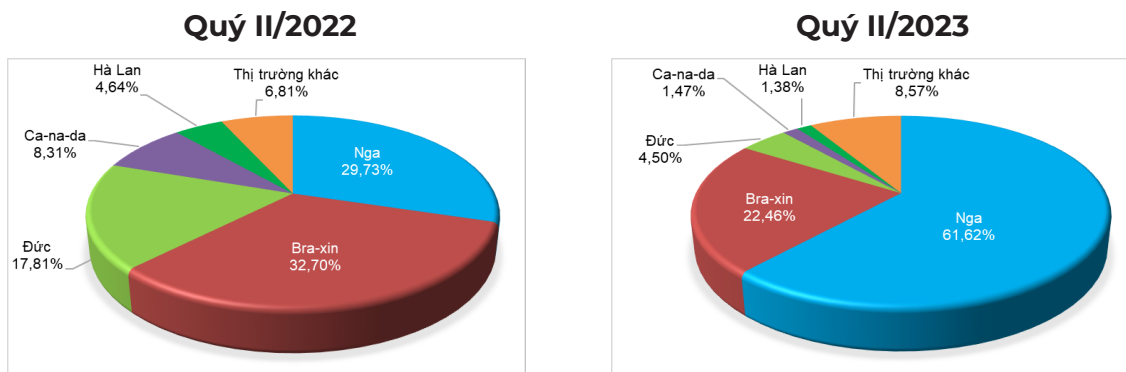
Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

Trong quý II/2023, thịt và các sản phẩm từ thịt nhập khẩu chủ yếu là các chủng loại như: Thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của gia cầm; Phụ phẩm ăn được sau giết mổ của lợn, trâu, bò sống; Thịt lợn tươi; Thịt trâu tươi; Thịt bò tươi đông lạnh... Trong đó, nhập khẩu thịt trâu, thịt bò có xu hướng giảm; nhập khẩu thịt gia cầm, thịt lợn và phụ phẩm sau khi giết mổ của trâu, bò, lợn lại tăng so với cùng kỳ năm 2022.

Trong quý II/2023, Việt Nam nhập khẩu 27,08 nghìn tấn thịt lợn (HS 0203),

trị giá 72,56 triệu USD, tăng 11% về lượng và tăng 43,5% về trị giá so với quý II/2022. Nhập khẩu thịt lợn có xu hướng tăng trở lại trong tháng 5 và tháng 6/2023, tuy nhiên lượng nhập khẩu thịt lợn chỉ chiếm khoảng 3% - 4% so với tổng sản lượng sản xuất thịt lợn của cả nước. Đây là con số khá nhỏ và chưa đủ để tác động lên giá lợn hơi và giá thịt lợn trong nước. Nga, Bra-xin, Đức, Ca-na-da và Hà Lan là 5 thị trường cung cấp thịt lợn lớn nhất cho Việt Nam trong quý II/2023.

Cơ cấu thị trường cung cấp thịt lợn tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh (HS 0203) cho Việt Nam (Tỷ trọng % tính theo lượng)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam

Thời gian tới, tiêu thụ thịt và các sản phẩm thịt dự kiến sẽ tăng trở lại do nhu cầu tiêu dùng đang dần phục hồi. Do nguồn cung thịt của Việt Nam khá dồi dào, cơ bản đáp ứng được nhu cầu tiêu thụ trong nước, nên dự báo nhập khẩu thịt và các sản phẩm thịt sẽ khó tăng đột

biến. Các mặt hàng thịt và sản phẩm thịt nhập khẩu trong thời gian tới chủ yếu vẫn là các chủng loại thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của gia cầm; Thịt trâu, bò, lợn tươi đông lạnh; Phụ phẩm ăn được sau giết mổ của lợn, trâu, bò sống đông lạnh...

THỊ TRƯỜNG THỦY SẢN

- ▶ Chính phủ Nga đã có quyết định bổ sung lệnh cấm nhập khẩu một số mặt hàng cá và sản phẩm thủy sản từ Hoa Kỳ, EU, Ca-na-đa, Na-uy, U-crai-na, Al-ba-ni-a, Mon-te-ne-go, Ai-xơ-len, Lích-tân-xtai và Anh.
- ▶ Ngành tôm của Ê-cu-a-đo đang đối mặt với những thách thức do mở rộng nuôi tôm trái phép, cung vượt cầu và tác động tiềm ẩn của các hiện tượng tự nhiên.
- ▶ Mặc dù giá cá tra và tôm nguyên liệu giảm trong 6 tháng đầu năm 2023, nhưng sản lượng tôm và cá tra vẫn tăng so với cùng kỳ năm 2022.
- ▶ Theo ước tính, tháng 7/2023, tốc độ giảm xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tiếp tục cải thiện so với các tháng trước.
- ▶ Nhập khẩu thủy sản của hầu hết các thị trường lớn trên thế giới giảm, trừ Trung Quốc tăng. Thị phần thủy sản của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của các thị trường giảm.



THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- **Nga:** Cơ quan Thủy sản Liên bang Nga thông báo Chính phủ Nga đã có quyết định bổ sung lệnh cấm nhập khẩu một số mặt hàng cá và sản phẩm thủy sản từ Hoa Kỳ, EU, Ca-na-đa, Na-uy, U-crai-na, Al-ba-ni-a, Mon-te-ne-go, Ai-xơ-len, Lích-tân-xtai và Anh.

- **Ê-cu-a-đo:** Ngành tôm của Ê-cu-a-đo được cho là đang đối mặt với những thách thức do mở rộng nuôi tôm trái phép, cung vượt cầu và tác động tiềm ẩn của các hiện tượng tự nhiên. Tình trạng tôm Ê-cu-a-đo cung cấp dư thừa trên thị trường khiến giá tôm càng giảm. Trung Quốc là thị trường chủ yếu của tôm Ê-cu-a-đo và thị trường cũng đang

phục hồi, nhưng sức mua của thị trường này không cao như dự kiến. Nhu cầu từ châu Âu và Hoa Kỳ vẫn tiếp tục trì trệ.

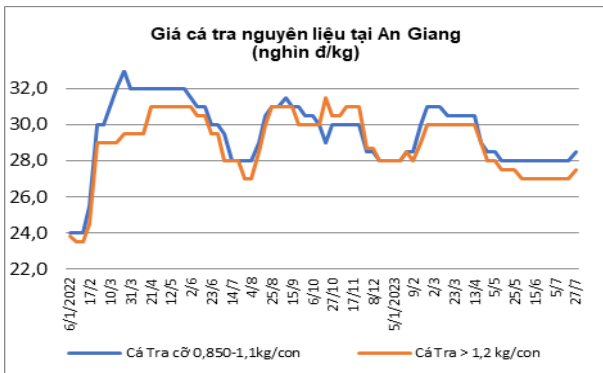
Sự suy giảm tiêu dùng và mất an ninh đã đẩy giá tôm Ê-cu-a-đo xuống mức đáng báo động. Giá trung bình đối với tôm Ê-cu-a-đo còn đầu, còn vỏ (HOSO) ở mức 4,10 USD/kg đối với tôm cỡ 20/30; 3,50 USD/kg cho cỡ 30/40; 3,20 USD/kg đối với cỡ 40/50; 2,90 USD/kg cho cỡ 50/60; 2,75 USD/kg cho cỡ 60/70; 2,40 USD/kg đối với cỡ 70/80; 2,30 USD/kg cho cỡ 80/100; 1,80 USD/kg cho cỡ 100/120; và 1,60 USD/kg cho cỡ 120/140 trong tuần từ ngày 10-16/7/2023.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

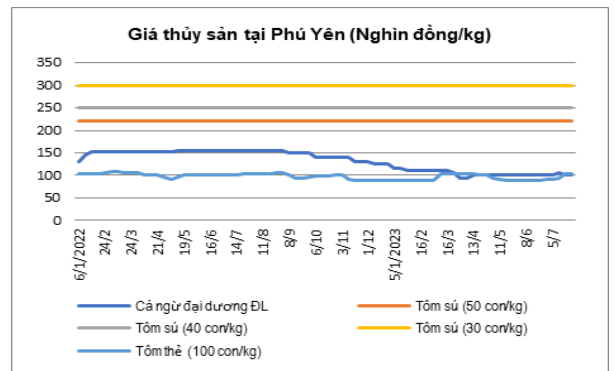
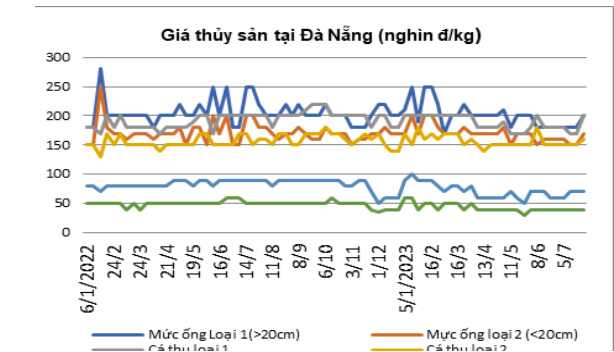
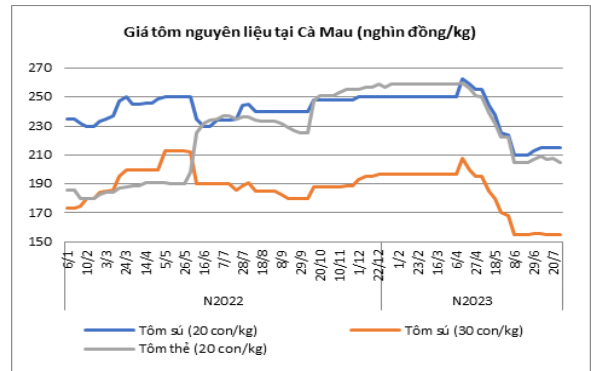
Theo Tổng cục Thống kê, sản lượng thủy sản của cả nước quý II/2023 ước đạt 2.370,4 nghìn tấn, tăng 1,6% so với cùng kỳ năm 2022, bao gồm: Cá đạt 1.680,5 nghìn tấn, tăng 1,2%; tôm đạt 352,3 nghìn tấn, tăng 3,8%; thủy sản khác đạt 337,6 nghìn tấn, tăng 0,9%. Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, sản lượng thủy sản ước đạt 4.270,5 nghìn tấn, tăng 1,7% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 3.093,2 nghìn tấn, tăng 1,6%; tôm đạt 538,1 nghìn tấn, tăng 3,5%; thủy sản khác đạt 639,2 nghìn tấn, tăng 1,1%.

Trong đó, sản lượng thủy sản nuôi trồng quý II/2023 ước đạt 1.311,2 nghìn tấn, tăng 2,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Cá đạt 851,2 nghìn tấn, tăng 1,8%; tôm đạt 313 nghìn tấn, tăng 4,2%. Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 2.336,4 nghìn tấn, tăng 3% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 1.593,6 nghìn tấn, tăng 2,6%; tôm đạt 466,7 nghìn tấn, tăng 4,1%; thủy sản khác đạt 276,1 nghìn tấn, tăng 3,6%.

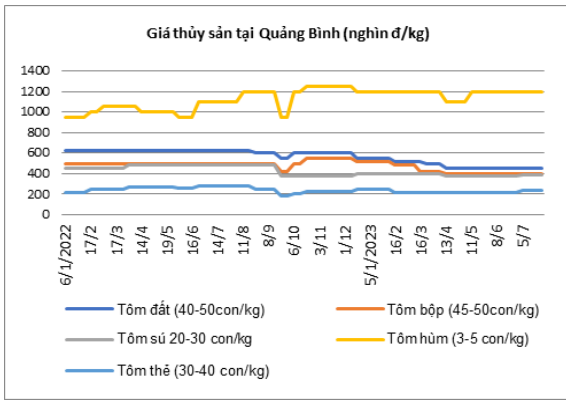
Mặc dù, giá cá tra nguyên liệu tại các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long có xu hướng giảm trong 6 tháng đầu năm 2023 do nhu cầu từ các thị trường nhập khẩu ở mức thấp, nhưng sản lượng cá tra tăng so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng cá tra quý II/2023 ước đạt 436,9 nghìn tấn, tăng 1,6% so với cùng kỳ năm trước; Tính chung 6 tháng đầu năm 2023 ước đạt 789,3 nghìn tấn, tăng 2,2% so với cùng kỳ năm trước.



Giá tôm nguyên liệu tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long cũng có xu hướng giảm trong 6 tháng đầu năm 2023. Tôm thẻ chân trắng tiếp tục chuyển đổi từ nuôi thâm canh sang siêu thâm canh hoặc nuôi thâm canh với mật độ cao hơn. Sản lượng tôm thẻ chân trắng quý II/2023 ước đạt 221,8 nghìn tấn, tăng 5,3% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng tôm sú đạt 71,5 nghìn tấn, tăng 0,8%. Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, sản lượng tôm thẻ chân trắng đạt 315,2 nghìn tấn, tăng 5,2% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng tôm sú đạt 119,3 nghìn tấn, tăng 1,2%.



Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp



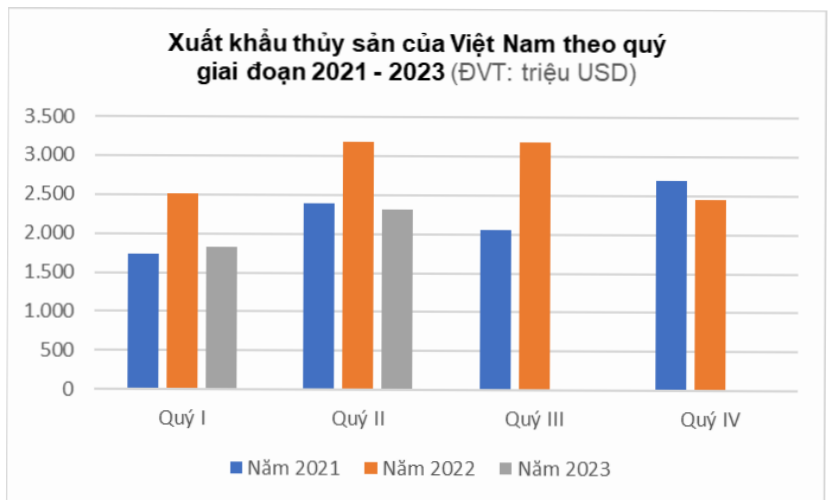
Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp

Sản lượng thủy sản khai thác quý II/2023 ước đạt 1.059,2 nghìn tấn, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Cá đạt 829,3 nghìn tấn, tăng 0,7%; tôm đạt 39,3 nghìn tấn, tăng 0,3%. Sản lượng thủy sản khai thác biển trong quý ước đạt 1.013 nghìn tấn, tăng 0,3% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, sản lượng thủy sản khai thác ước đạt 1.934,1 nghìn tấn, tăng 0,2% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 1.499,6 nghìn tấn, tăng 0,5%; tôm đạt 71,4 nghìn tấn, giảm 0,3%; thủy sản khác đạt 363,1 nghìn tấn, giảm 0,8%.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU THỦY SẢN CỦA VIỆT NAM

Theo thống kê từ số liệu của Tổng cục Hải quan, quý II/2023, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 520,8 nghìn tấn, trị giá 2,3 tỷ USD, giảm 18% về lượng và giảm 26,9% về trị giá so với quý II/2022. Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 964,3 nghìn tấn, trị giá 4,146 tỷ USD, giảm 17% về lượng và giảm 27,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Nhìn chung, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2023 đối mặt với nhiều khó khăn do lạm phát toàn cầu cao, tồn kho thủy sản tại hầu hết các thị trường xuất khẩu chủ lực ở mức cao.

Trong quý II/2023, xuất khẩu hầu hết các mặt hàng thủy sản của Việt Nam giảm so với cùng kỳ năm 2022, trừ xuất khẩu cá sống và ruốc tăng, xuất khẩu cá khô, cá đóng hộp tăng về lượng nhưng giảm về trị giá. Giá xuất khẩu trung bình hầu hết các mặt hàng thủy sản của Việt Nam trong quý II/2023 giảm mạnh so với cùng kỳ năm 2022, trừ giá xuất khẩu cua và ruốc tăng. Tuy nhiên, trong tháng 6/2023, xuất khẩu thủy sản đã có tín hiệu bớt khó khăn hơn khi tốc độ giảm lượng xuất khẩu 2



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

mặt hàng thủy sản chủ lực chậm lại. Theo đó, lượng tôm xuất khẩu tháng 6/2023 giảm 12% so với cùng kỳ năm trước, cải thiện so với mức giảm 18,4% của tháng 5/2023 và mức giảm 28% của tháng 4/2023; lượng cá tra, basa xuất khẩu giảm 14,8% so với cùng kỳ năm 2022 trong tháng 6/2023, cải thiện so với mức giảm 19,5% của tháng 5/2023 và mức giảm 41,9% của tháng 4/2023.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu hầu hết các nhóm hàng thủy sản chủ lực đều giảm so với cùng kỳ năm 2022, trừ xuất khẩu cá đông lạnh tăng về lượng nhưng giảm về trị giá; xuất khẩu cá khô tăng mạnh cả về lượng và trị giá...

Theo ước tính, tháng 7/2023, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam đạt 180 nghìn tấn, trị giá 800 triệu USD, giảm 7,7% về lượng và giảm 15% so với tháng 7/2022. Tính chung 7 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam ước đạt 1,144 triệu tấn, trị giá 4,946 tỷ USD, giảm 15,8% về lượng và giảm

25,4% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Dự kiến trong 2 tháng còn lại của quý III/2023, dự báo xuất khẩu thủy sản của Việt Nam tiếp tục giảm chậm lại so với 6 tháng đầu năm 2023 do lạm phát toàn cầu đã hạ nhiệt và tồn kho thủy sản tại các nước nhập khẩu chính đã cải thiện.

Mặt hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam quý II và 6 tháng năm 2023

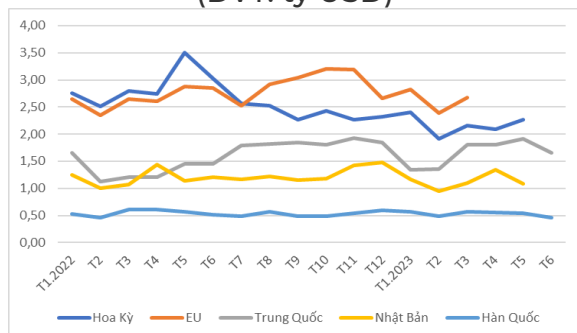
Mặt hàng	Quý II/2023			So với quý II/2022 (%)			6 tháng đầu năm 2023			So với cùng kỳ năm 2022 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Giá TB (USD/kg)	Lượng	Trị giá	Giá TB	Lượng (tấn)	Trị giá (Nghìn USD)	Giá TB (USD/kg)	Lượng	Trị giá	Giá TB
Tổng	520.834	2.316.455	4,4	-18,0	-26,9	-10,9	964.306	4.146.042	4,3	-17,2	-27,1	-12,0
Tôm các loại	105.960	938.245	8,9	-19,4	-27,7	-10,4	173.449	1.530.311	8,8	-23,5	-31,8	-10,8
Cá tra, basa	188.358	451.379	2,4	-27,3	-41,4	-19,4	364.927	872.807	2,4	-25,7	-38,7	-17,5
Cá đông lạnh	57.374	269.939	4,7	-11,3	-11,0	0,4	114.259	512.621	4,5	4,0	-2,6	-6,3
Cá ngừ các loại	40.472	201.522	5,0	-12,5	-31,2	-21,4	76.236	381.872	5,0	-15,9	-30,8	-17,7
Mực các loại	16.498	91.817	5,6	-12,9	-14,3	-1,6	28.120	167.017	5,9	-18,3	-12,8	6,7
Chả cá	35.778	80.509	2,3	-21,4	-24,2	-3,6	67.411	150.110	2,2	-19,8	-22,8	-3,7
Cá khô	25.517	84.481	3,3	26,3	19,3	-5,6	45.052	151.087	3,4	22,7	14,9	-6,4
Bạch tuộc các loại	8.298	60.795	7,3	-18,4	-21,1	-3,3	16.809	122.920	7,3	-13,1	-15,9	-3,2
Cua các loại	1.631	26.198	16,1	-30,2	-16,8	19,3	2.747	46.122	16,8	-43,3	-24,0	34,0
Nghêu các loại	12.851	20.566	1,6	0,7	-32,8	-33,3	23.738	40.039	1,7	10,5	-22,0	-29,4
Ghẹ các loại	1.244	14.477	11,6	-12,4	-19,8	-8,5	2.118	23.391	11,0	-33,5	-40,0	-9,8
Trứng cá	1.041	16.222	15,6	6,6	0,0	-6,2	1.878	31.002	16,5	12,4	13,1	0,6
Cá đóng hộp	7.779	18.747	2,4	25,3	-5,0	-24,2	13.431	35.320	2,6	12,0	-1,9	-12,4
Cá sống	6.192	7.881	1,3	49,7	15,9	-22,5	11.789	14.880	1,3	57,1	16,9	-25,6
Ruốc	2.311	4.156	1,8	-4,6	4,6	9,6	5.123	7.983	1,6	4,0	1,0	-2,9
Sò các loại	402	4.019	10,0	-20,1	-20,6	-0,6	805	8.117	10,1	-26,7	-23,3	4,6
Bong bóng cá	45	2.180	48,4	-11,3	-31,5	-22,8	96	4.248	44,3	17,1	-5,7	-19,5
Hàu	1.213	2.006	1,7	181,5	123,9	-20,5	3.068	5.649	1,8	117,3	90,7	-12,2
Ốc các loại	1.073	5.349	5,0	61,7	56,2	-3,4	1.950	9.055	4,6	53,6	57,9	2,8
Mặt hàng khác	6.799	15.967	2,3	3,3	152,6	144,6	11.302	31.491	2,8	-4,8	66,1	74,5

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

NHẬP KHẨU THỦY SẢN CỦA 5 THỊ TRƯỜNG LỚN NHẤT THẾ GIỚI NĂM 2023 VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Lạm phát toàn cầu cao khiến nhu cầu nhập khẩu thủy sản của hầu hết các thị trường lớn trên thế giới như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc... giảm trong các tháng đầu năm 2023, trong khi nhập khẩu của Trung Quốc tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2022.

Nhập khẩu thủy sản của 5 thị trường lớn nhất thế giới năm 2022 – 2023 (ĐVT: tỷ USD)



Nguồn: ITC; Eurostat, NMFS; Cơ quan Hải quan Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc

Trong đó, EU là thị trường nhập khẩu thủy sản lớn nhất thế giới trong các tháng đầu năm 2023. Theo số liệu thống kê của Eurostat, trong 4 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu thủy sản của EU từ thị trường ngoài ngoài khối đạt 1,6 triệu tấn, trị giá 9,392 tỷ EUR (tương đương 10,287 tỷ USD), giảm 4,5% về lượng, nhưng tăng 0,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó Việt Nam là thị trường cung cấp thủy sản lớn thứ 9 cho EU, chiếm 3,6% về lượng và chiếm 2,9% về trị giá. Nhìn chung, thị phần thủy sản của Việt

Nam chưa thể cải thiện rõ rệt khi chưa được EC tháo gỡ “thẻ vàng” đối với thủy sản khai thác.

Các tháng đầu năm 2023, Hoa Kỳ là thị trường nhập khẩu thủy sản lớn thứ 2 thế giới, Theo số liệu thống kê từ ITC và NMFS, 5 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu thủy sản của Hoa Kỳ đạt 1,28 nghìn tấn, trị giá 10,576 tỷ USD, giảm 11,4% về lượng và giảm 22,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó Việt Nam là thị trường cung cấp thủy sản lớn thứ 8 cho Hoa Kỳ. Thị phần thủy sản Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Hoa Kỳ giảm từ 9,7% về lượng và 7,1% về trị giá trong 5 tháng đầu năm 2022 xuống còn 8,83% về lượng và 5,31% về trị giá trong 5 tháng đầu năm 2023.

Trong 6 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu thủy sản của Trung Quốc tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2022 do nước này dỡ bỏ chính sách Zero Covid. Theo số liệu thống kê của cơ quan Hải quan Trung Quốc, 6 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu thủy sản của Trung Quốc đạt 9,85 tỷ USD, tăng 21,7% so với cùng kỳ năm 2022. Việt Nam là thị trường cung cấp thủy sản lớn thứ 7 cho Trung Quốc trong 6 tháng đầu năm 2023, giảm 3 bậc so với vị trí thứ 4 trong nửa đầu năm 2022. Thị phần thủy sản Việt Nam trong tổng nhập khẩu của Trung Quốc giảm từ 10,5% trong 6 tháng đầu năm 2022 xuống còn 4,09% trong nửa đầu năm 2023.

Nhập khẩu thủy sản của 5 thị trường lớn nhất thế giới các tháng đầu năm 2023

Thị trường	4 tháng đầu năm 2023 (Tỷ USD)	So với 4 tháng năm 2022 (%)	Tháng 5/2023 (Tỷ USD)	Tháng 6/2023 (Tỷ USD)	Lũy kế năm 2023 (Tỷ USD)	Lũy kế so với cùng kỳ năm 2022 (%)
Hoa Kỳ	8,6	-20,7	2,3		10,8	-24,3
EU	10,3	0,6			10,3	0,6
Trung Quốc	6,3	21,4	1,9	1,7	9,9	21,8
Nhật Bản	4,6	-4,1	1,1		5,7	-4,2
Hàn Quốc	2,2	-1,6	0,5	0,5	3,2	-3,6

Nguồn: ITC; Eurostat; Cơ quan Hải quan Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc

THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

- ▶ Đồ nội thất là một trong 5 ngành sản xuất của Hoa Kỳ có số lượng đơn đặt hàng mới tăng trưởng trong tháng 6/2023.
- ▶ Xuất khẩu đồ nội thất của Căm-pu-chia nửa đầu năm 2023 giảm 29,67%.
- ▶ 7 tháng đầu năm 2023, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ ước đạt 7,2 tỷ USD, giảm 26,2% so với cùng kỳ năm 2022.
- ▶ Thị phần đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam trong tổng nhập khẩu của các thị trường nhập khẩu lớn nhất trên toàn cầu như EU, Hoa Kỳ, Anh, Ca-na-đa và Nhật Bản giảm.



THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ THẾ GIỚI

Hoa Kỳ: Theo Viện Quản lý Cung ứng (ISM) Hoa Kỳ, ngành sản xuất đồ nội thất và sản phẩm liên quan là một trong số ngành có xu hướng tăng trưởng trong những tháng gần đây. Theo đó, đồ nội thất là một trong 5 ngành sản xuất có số lượng đơn đặt hàng mới tăng trưởng trong tháng 6/2023; là một trong 6 ngành sản xuất báo cáo tăng trưởng việc làm; là một trong 9 ngành báo cáo việc giao hàng của nhà cung cấp nhanh hơn; là một trong 12 ngành có hàng tồn kho giảm và là một trong 13 ngành báo cáo giá nguyên vật liệu giảm.

Căm-pu-chia: Dẫn nguồn Wood365.cn, theo số liệu thống kê sơ bộ từ Cơ quan Hải

quan Căm-pu-chia (GDCE), xuất khẩu đồ nội thất (HS 94) của Căm-pu-chia trong nửa đầu năm 2023 đạt 370 triệu USD, giảm 29,67% so với cùng kỳ năm 2022. Trong nửa đầu năm 2023, xuất khẩu đồ nội thất chiếm 3,22% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước, giảm 1,4 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2022.

Theo nhà kinh tế tại Học viện Hoàng gia Căm-pu-chia, xuất khẩu đồ nội thất của Căm-pu-chia giảm không phải do các vấn đề về chất lượng mà do nhu cầu toàn cầu giảm chung. Vì vậy, khi tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu tăng lên thì nhu cầu đối với các sản phẩm nội thất của Căm-pu-chia sẽ phục hồi.

TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ

Ước tính, trong tháng 7/2023, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 1,15 tỷ USD, tăng 5,5% so với tháng 6/2023, nhưng giảm 12,7% so với tháng 7/2022. Trong đó, trị giá xuất khẩu sản phẩm gỗ ước đạt 767 triệu USD, tăng 2,2% so với tháng 6/2023, nhưng giảm 10,8% so với tháng 7/2022.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2023, trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ ước đạt 7,2 tỷ USD, giảm 26,2% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, trị giá xuất khẩu sản phẩm gỗ ước đạt 4,9 tỷ USD, giảm 29,7% so với cùng kỳ năm 2022.

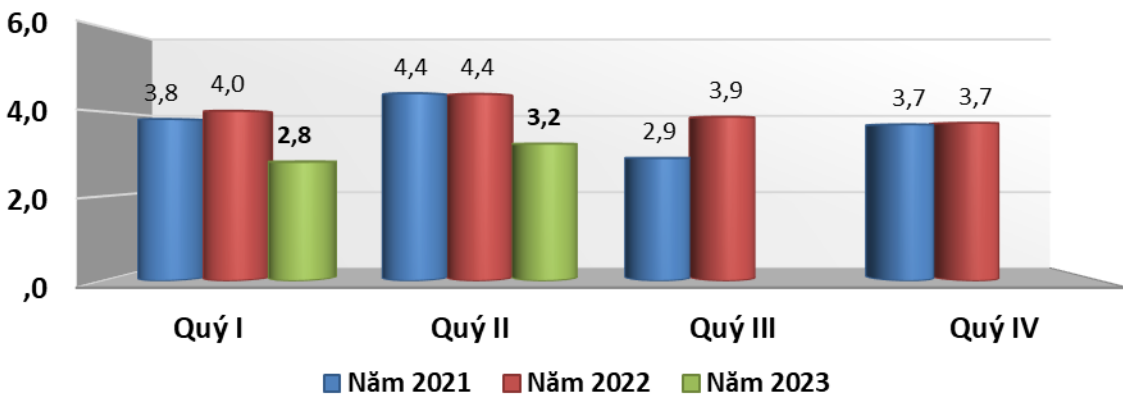
Theo số liệu thống kê từ Tổng cục Hải quan, trong quý II/2023, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ có xu hướng phục hồi so với quý trước, tuy nhiên so với cùng kỳ năm 2022 vẫn giảm đáng kể, đạt 3,2 tỷ USD, tăng 15,3% so với quý I/2023, nhưng giảm 26,7% so với quý II/2022. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ quý II/2023 đạt 2,3 tỷ USD, tăng 26,6% so với quý I/2023, nhưng giảm 24,7% so với quý II/2022.

Tính chung trong 6 tháng đầu năm 2023, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản

phẩm gỗ đạt 6,1 tỷ USD, giảm 28,3% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu sản phẩm gỗ đạt 4,13 tỷ USD, giảm 32,4% so với cùng kỳ năm 2022.

Trong nửa đầu năm 2023, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ giảm do nhu cầu từ các thị trường chính như châu Mỹ và châu Âu giảm mạnh, bởi tác động của lạm phát khiến người tiêu dùng tại các khu vực này thắt chặt chi tiêu, giảm tiêu thụ sản phẩm từ gỗ. Triển vọng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ trong nửa cuối năm 2023 vẫn chưa được cải thiện nhiều, khi kinh tế thế giới vẫn tiếp tục khó khăn, dù có dấu hiệu phục hồi nhưng chậm và không đồng đều ở các quốc gia, nhu cầu tiêu dùng vì thế cũng phục hồi chậm. Tuy nhiên, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ có tín hiệu khả quan hơn vào nửa cuối năm 2023, do tồn kho hàng hoá tại các khu vực lớn như châu Mỹ, đặc biệt là tại thị trường Hoa Kỳ đã giảm đáng kể trong thời gian qua và các nhà nhập khẩu đang có dấu hiệu đặt hàng trở lại. Xuất khẩu vào thị trường này tăng sẽ góp phần thúc đẩy ngành gỗ phục hồi trong thời gian tới.

Tình hình xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ theo quý giai đoạn 2021 – 2023 (ĐVT: Tỷ USD)



Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan

Về thị trường xuất khẩu

Mặc dù tỷ trọng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang khu vực châu Mỹ có xu hướng giảm, nhưng châu Mỹ vẫn là thị trường xuất khẩu chủ lực của ngành

gỗ trong 6 tháng đầu năm 2023, đạt 3,4 tỷ USD, giảm 33,6% so với cùng kỳ năm 2022; tiếp đến là thị trường châu Á đạt 2,3 tỷ USD, giảm 15,8%. Đáng chú ý, mặc

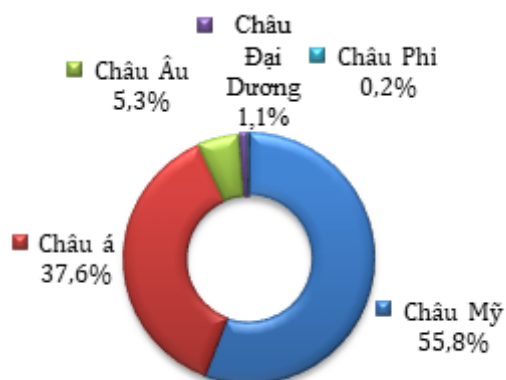
dù trị giá xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang khu vực châu Á giảm, nhưng tỷ trọng xuất khẩu sang thị trường này tăng đáng kể, chiếm 37,6% tổng xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ, tăng 5,6 điểm

phần trăm so với cùng kỳ năm 2022. Tiếp đến gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu sang các khu vực khác như châu Âu, châu Đại Dương và châu Phi, nhưng trị giá xuất khẩu chỉ chiếm tỷ trọng thấp.

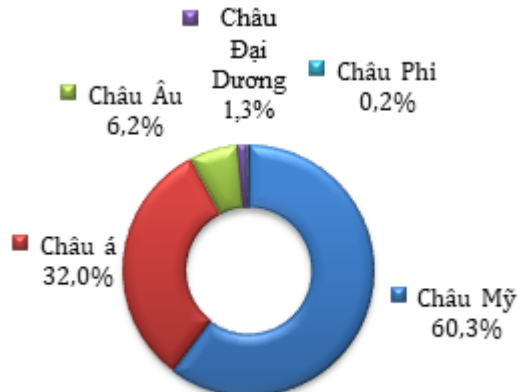
Cơ cấu xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang các châu lục

(Tỷ trọng % theo trị giá)

6 tháng năm 2023



6 tháng năm 2022



Nguồn: Tính toán theo số liệu từ Tổng cục Hải quan

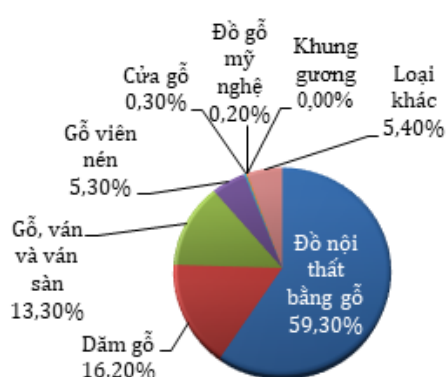
Về mặt hàng xuất khẩu Trong nửa đầu năm 2023, đồ nội thất bằng gỗ xuất khẩu là mặt hàng xuất khẩu chủ lực trong cơ cấu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ, tuy nhiên do nhu cầu tiêu thụ tại khu vực châu Mỹ và châu Âu giảm sâu bởi tác động của lạm phát và thị trường bất động sản suy giảm, tỷ trọng xuất khẩu mặt hàng này giảm mạnh, đạt 3,6 tỷ USD, giảm 34,6% so với cùng kỳ năm 2022.

dầm gỗ; gỗ, ván và ván sàn; gỗ viên nén đã tăng lên trong nửa đầu năm 2023. Tuy nhiên, trị giá xuất khẩu những mặt hàng này vẫn có xu hướng giảm, do lượng hàng tồn kho tại các thị trường tiêu thụ chính tại châu Á ở mức cao. Với những cam kết giảm mạnh phát thải và tăng cường sử dụng năng lượng sinh học, dự kiến xuất khẩu viên nén sẽ phục hồi cả về giá và khối lượng trong những tháng cuối năm 2023.

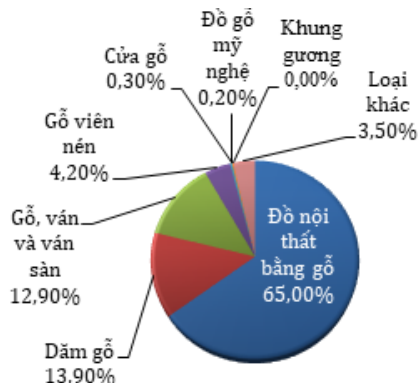
Trong khi tỷ trọng xuất khẩu mặt hàng chính giảm, tỷ trọng xuất khẩu

Cơ cấu mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu (Tỷ trọng % theo trị giá)

6 tháng năm 2023



6 tháng năm 2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan

DUNG LƯỢNG 5 THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU ĐỒ NỘI THẤT BẰNG GỖ LỚN NHẤT THẾ GIỚI VÀ THỊ PHẦN CỦA VIỆT NAM

Tác động của lạm phát cao và thị trường bất động sản trầm lắng khiến nhu cầu nhập khẩu mặt hàng này tại các thị trường lớn giảm mạnh.

EU là thị trường nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ lớn nhất thế giới, đạt 8,3 tỷ USD trong 4 tháng đầu năm 2023, giảm 10,7% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam chiếm 2,5% tổng trị giá nhập khẩu vào EU.

Đối với Hoa Kỳ, theo số liệu thống kê từ Ủy ban Thương mại Quốc tế Hoa Kỳ (USITC), trong 5 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Hoa Kỳ đạt 8 tỷ USD, giảm 29,4% so với cùng kỳ năm 2022. Nhu cầu nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ giảm mạnh do kinh tế Hoa Kỳ khó khăn, nhưng đây vẫn là thị trường rất tiềm năng. Việt Nam là thị trường cung cấp đồ nội thất bằng gỗ lớn nhất cho Hoa Kỳ, chiếm 35,5% tổng trị giá nhập khẩu. Tuy nhiên, việc xuất khẩu đạt trị giá cao vào Hoa Kỳ cũng tiềm ẩn nguy cơ phải đối mặt với các hàng rào phi thuế quan ngày càng nhiều, đòi hỏi doanh nghiệp ngành gỗ phải cẩn trọng. Trong thời gian qua, ngành gỗ đang phải đối mặt với các vụ việc điều tra chống lẩn tránh thuế phòng vệ thương mại từ Hoa Kỳ đối với gỗ dán cứng, sản phẩm tủ gỗ, bàn trang điểm Việt Nam.

Theo số liệu thống kê từ ITC, nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Anh trong 4 tháng đầu năm 2023 đạt 1,3 tỷ USD, giảm 31,3% so với cùng kỳ năm

2022. Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam chỉ chiếm 5,8% tổng trị giá nhập khẩu. Để đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường Anh các doanh nghiệp cần chú ý, Anh là một thị trường khá khắt khe với yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật, yêu cầu chất lượng hàng nhập khẩu cao. Nguy cơ về các biện pháp phòng vệ thương mại cũng là những thách thức đối với mặt hàng đồ nội thất bằng gỗ của Việt Nam, khi Anh là một thị trường có “truyền thống” sử dụng các biện pháp phòng vệ thương mại.

Theo Cơ quan Thống kê Ca-na-đa, 5 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Ca-na-đa đạt 887,4 triệu USD, giảm 22% so với cùng kỳ năm 2022. Tỷ trọng nhập khẩu từ Việt Nam có xu hướng giảm, nhưng triển vọng xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ tới thị trường Ca-na-đa vẫn khả quan nhờ tác động tích cực của Hiệp định CPTPP. Với Ca-na-đa, các doanh nghiệp nên tìm kiếm cơ hội để xuất khẩu các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, chủ động đưa ra mẫu mã, tăng chất lượng sản phẩm, tăng cường năng lực tiếp thị...

Trong 5 tháng đầu năm 2023, nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Nhật Bản đạt 790,1 triệu USD, giảm 10,3% so với cùng kỳ năm 2022. Đồng Yên yếu, lạm phát cao và tỷ lệ thất nghiệp gia tăng là những yếu tố chính khiến nhu cầu nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Nhật Bản giảm.

5 thị trường xuất khẩu đồ nội thất bằng gỗ lớn trên thế giới

Thị trường	Quý I/2023 (nghìn USD)	Năm 2023 (nghìn USD)			Lũy kế so với năm 2022 (%)	Thị phần của Việt Nam (%)	
		Tháng 4	Tháng 5	Lũy kế từ đầu năm		Lũy kế năm 2023	Lũy kế năm 2022
EU	6.389.522	1.888.722		8.278.244	-10,7	2,5	3,2
Hoa Kỳ	4.668.679	1.604.318	1.737.893	8.010.890	-29,4	35,5	35,9
Anh	1.013.847	322.000		1.335.847	-31,3	5,8	7,5
Ca-na-đa	509.851	169.718	207.810	887.379	-22,0	14,5	15,1
Nhật Bản	490.073	148.908	151.116	790.097	-10,3	24,1	25,6

Nguồn: Eurostat, USITC, ITC, Cơ quan Hải quan Nhật Bản, Cơ quan Thống kê Canada

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC HƯỚNG DẪN CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH TÍN DỤNG ĐỐI VỚI LĨNH VỰC LÂM SẢN, THỦY SẢN

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã ban hành văn bản số 5631/NHNN-TD hướng dẫn các ngân hàng thương mại (NHTM) triển khai Chương trình tín dụng đối với lĩnh vực Lâm sản, Thủy sản. Theo đó, đối tượng vay vốn của Chương trình là khách hàng có dự án/phương án phục vụ cho hoạt động sản xuất - kinh doanh lĩnh vực Lâm sản, Thủy sản.

Lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam: Thấp hơn tối thiểu từ 1%-2%/năm so với mức lãi suất cho vay bình quân cùng kỳ hạn (ngắn hạn; trung, dài hạn) của chính ngân hàng cho vay áp dụng trong từng thời kỳ với thời gian triển khai đến hết ngày 30/6/2024.

Quy mô tín dụng của Chương trình khoảng 15.000 tỷ đồng (cao hơn dự kiến đặt ra gói 10.000 tỷ đồng). Bên cạnh đó, các NHTM theo thẩm quyền thực hiện miễn, giảm các loại phí dịch vụ đối với

khách hàng tham gia Chương trình này, phù hợp với quy định pháp luật và quy mô hoạt động của ngân hàng.

Chương trình được thực hiện bằng nguồn vốn tự huy động của các ngân hàng và thực hiện cho vay theo cơ chế thương mại thông thường.

Đến nay đã có 12 ngân hàng thương mại đã đăng ký tham gia Chương trình gồm: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín, Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TMCP Á Châu, Ngân hàng TMCP Nam Á, Ngân hàng TMCP Phương Đông, Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam, Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội.

BỘ CÔNG THƯƠNG KHUYẾN NGHỊ VỀ VIỆC XUẤT KHẨU GẠO

Ngày 20/7/2023, Tổng cục Ngoại thương Ấn Độ đã ra thông báo số 20/2023 về việc cấm xuất khẩu tất cả các loại gạo trắng thường (phi Basmati). Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Việc Ấn Độ ban hành chính sách hạn chế hoạt động xuất khẩu gạo sẽ tác động đến thị trường thương mại gạo toàn cầu.

Để góp phần tiêu thụ thóc, gạo hàng hóa; bình ổn giá thóc, gạo trong nước, đảm bảo an ninh lương thực, Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương đã có các Văn bản số 584/XNK-NS gửi các thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo và Văn

bản số 585/XNK-NS gửi Hiệp hội Lương thực Việt Nam đề nghị phối hợp triển khai một số nội dung liên quan.

Theo đó, Cục Xuất nhập khẩu đề nghị Hiệp hội Lương thực Việt Nam phối hợp thực hiện một số nội dung như sau: Tăng cường đôn đốc các hội viên, đặc biệt là các doanh nghiệp lớn, giữ vai trò dẫn dắt như Tổng Công ty Lương thực miền Bắc, Tổng Công ty Lương thực miền Nam... tổ chức thu mua và tiêu thụ thóc, gạo hàng hóa, bảo đảm lợi ích cho người trồng lúa theo chính sách hiện hành. Yêu cầu các hội viên thực hiện

nghiêm túc các quy định tại Nghị định số 107/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo; thường xuyên duy trì mức dự trữ lưu thông tối thiểu theo quy định tại Nghị định số 107/2018/NĐ-CP, đảm bảo cân đối xuất khẩu và tiêu dùng nội địa, góp phần bình ổn giá thóc, gạo tại thị trường trong nước.

Bên cạnh đó, tiếp tục theo dõi sát tình hình thị trường gạo; chủ động trao đổi, tổng hợp ý kiến của hội viên về khó khăn, vướng mắc phát sinh trong cung ứng, lưu thông gạo trên thị trường trong nước và quốc tế để báo cáo và đề xuất giải pháp phù hợp với các Bộ, ngành liên quan.

Đối với Thương nhân, Cục Xuất nhập khẩu cũng đề nghị thương nhân thực hiện nghiêm túc các quy định tại Nghị định số 107/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo về việc thu mua thóc, gạo

hàng hoá nhằm đảm bảo cân đối xuất khẩu và tiêu dùng nội địa; duy trì mức dự trữ lưu thông theo quy định, góp phần bình ổn giá thóc, gạo tại thị trường trong nước và đảm bảo an ninh lương thực. Chủ động theo dõi sát tình hình thị trường, tổ chức phương án sản xuất, xuất khẩu phù hợp, đảm bảo xuất khẩu có hiệu quả. Nghiêm túc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về lượng thóc, gạo tồn kho, tình hình ký kết và thực hiện hợp đồng xuất khẩu gạo theo quy định tại Nghị định số 107/2018/NĐ-CP, gửi về Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương và Hiệp hội Lương thực Việt Nam.

Đồng thời, chủ động trao đổi với Hiệp hội Lương thực Việt Nam, báo cáo Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình cung ứng, lưu thông thóc, gạo trên thị trường trong nước và quốc tế để có giải pháp ứng phó kịp thời.

Lưu ý:

Thông tin sử dụng trong bản tin được thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Thông tin trong bản tin chỉ mang tính tham khảo, các ước tính, dự báo có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi bởi những biến động thị trường.

Rất mong nhận được sự phản hồi, trao đổi thông tin và đóng góp ý kiến của độc giả để Bản tin ngày càng chất lượng hơn.